

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG
TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Ngành: Luật Kinh Tế

BÙI VIỆT HẢI

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại

Ngành: Luật Kinh Tế

Mã số: 8380107

Họ và tên học viên: Bùi Việt Hải

Người hướng dẫn: TS Nguyễn Bình Minh



LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “*Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại*” là đề tài nghiên cứu độc lập của riêng tôi, được đưa ra dựa trên cơ sở tìm hiểu, phân tích và đánh giá các số liệu tại Việt Nam. Các số liệu là trung thực và chưa được công bố tại các công trình nghiên cứu có nội dung tương đồng nào khác.

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 20..

Tác giả

Bùi Việt Hải



LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian nghiên cứu và thực hiện luận văn này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình từ các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Nhân đây, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc lòng biết ơn chân thành đến các tập thể, cá nhân đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Trước hết tôi xin trân trọng cảm ơn Ban giám hiệu trường Đại học Ngoại thương, Khoa Sau đại học của trường cùng tập thể các thầy cô giáo, những người đã trang bị kiến thức cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu tại trường.

Với lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất, tôi xin trân trọng cảm ơn TS.Nguyễn Bình Minh người đã trực tiếp hướng dẫn tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề tài.

Do thời gian nghiên cứu và kiến thức còn hạn chế, luận văn được hoàn thiện không thể tránh khỏi những sơ suất thiếu sót, tác giả rất mong nhận được những ý kiến của các thầy cô giáo cùng các bạn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 20..

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Bùi Việt Hải



MỤC LỤC

	Trang
LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC KÝ HIỆU, VIẾT TẮT.....	vii
DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ.....	viii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ.....	viii
TÓM TẮT LUẬN VĂN.....	ix
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
<i>1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài</i>	<i>1</i>
<i>2. Tình hình nghiên cứu</i>	<i>3</i>
<i>3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu</i>	<i>5</i>
3.1. Mục đích nghiên cứu.....	5
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
<i>4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</i>	<i>6</i>
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	6
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	6
<i>5. Phương pháp nghiên cứu</i>	<i>6</i>
<i>6. Kết cấu của luận văn</i>	<i>7</i>
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI	8
<i>1.1. Khái quát chung về HĐTD và tranh chấp HĐTD</i>	<i>8</i>



1.1.1. Khái niệm hợp đồng tín dụng.....	8
1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng tín dụng.....	9
1.1.3. Khái niệm giải quyết tranh chấp.....	10
1.1.4. Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng.....	10
1.1.5. Khái niệm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.....	14
1.1.6. Các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.....	15
1.2. Giải quyết tranh chấp HĐTD bằng TTTM.....	17
1.2.1. Khái niệm.....	17
1.2.2. Đặc điểm.....	17
1.2.3. Ý nghĩa giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài	18
1.2.5. Các yếu tố tác động đến giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại.....	19
Kết luận chương 1.....	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI.....	29
2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.....	29
2.1.1. Thực trạng pháp luật quy định về thẩm quyền của Trọng tài thương mại	29
2.1.2. Thực trạng pháp luật quy định về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.....	36
2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.....	39
2.2.1. Tình hình tranh chấp hợp đồng tín dụng được giải quyết tại các trung	

tâm trọng tài thương mại.....	39
2.2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật nội dung.....	42
2.2.3. Thực trạng áp dụng pháp luật tố tụng.....	45
2.2.4. Một số tranh chấp HĐTD điển hình được giải quyết bằng trọng tài thương mại.....	48
2.3. <i>Đánh giá chung về giải quyết TCHĐTD bằng hình thức trọng tài</i>	49
2.3.1. Ưu điểm.....	50
2.3.2. Nhược điểm và nguyên nhân.....	51
Kết luận chương 2	55
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI	57
3.1. <i>Dự báo về sự phát triển hợp đồng tín dụng và các tranh chấp hợp đồng tín dụng</i>	57
3.1.1. Dự báo phát triển hợp đồng tín dụng.....	57
3.1.2. Xu hướng phát triển các tranh chấp hợp đồng tín dụng.....	58
3.1.3. Sự cần thiết phải sửa đổi các quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.....	61
3.2. <i>Định hướng hoàn thiện</i>	62
3.3. <i>Giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại</i>	64
3.3.1. Giải pháp hoàn thiện quy định về hợp đồng tín dụng, giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại.....	64
3.3.2. Giải pháp áp dụng các quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín	

dụng bằng Trọng tài thương mại.....	71
Kết luận chương 3.....	80
KẾT LUẬN.....	81
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	83



DANH MỤC KÝ HIỆU, VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng Việt
BLDS	Bộ luật dân sự
CNQĐTT	Công nhận quyết định trọng tài
HĐTD	Hợp đồng tín dụng
QLNN	Quản lý nhà nước
TCDS	Tranh chấp dân sự
TCTD	Tổ chức tín dụng
TTTM	Trọng tài thương mại
TTTT	Trung tâm trọng tài
XLVP	Xử lý vi phạm



DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

	Trang
Bảng 2.1. Thống kê tình hình giải quyết tranh chấp tại VIAC 2015 - 2018 ¹	40
Biểu đồ 2.1. Thống kê tình hình giải quyết tranh chấp tại VIAC 2016 - 2018 ¹	40

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

	Trang
Sơ đồ 2.1: Mô hình trọng tài thương mại	39
Sơ đồ 2.2: Trình tự giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại	45

TÓM TẮT LUẬN VĂN

Trải qua hơn 30 năm đổi mới đất nước, Việt Nam chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế. Cuộn mình theo dòng chảy phát triển của nền kinh tế đó thì nhu cầu về vốn của các cá nhân, tổ chức kinh tế nhằm phục vụ cho mục đích mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh rất cao. Tranh chấp hợp đồng tín dụng là một trong các dạng tranh chấp phổ biến hiện nay và việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là phù hợp với các tranh chấp tín dụng hiện đại vì về cơ bản các tranh chấp này là không phức tạp. Trong xu thế hội nhập vô cùng năng động và sôi động đó, thì việc xảy ra các tranh chấp là điều không thể tránh khỏi và cũng không dễ giải quyết được một cách nhanh chóng và chính xác. Hiện nay, chúng ta có rất nhiều các phương pháp giải quyết tranh chấp HĐTD như: Hòa giải, Trọng tài, Tòa án... Nhưng phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thì đang ngày càng khẳng định được vị thế, vai trò, và tính hấp dẫn trong việc giải quyết các tranh chấp. Trên thực tế, xuất phát từ tính chất của HĐTD thì với nhiều yếu tố phức tạp, yếu tố rủi ro, các tranh chấp về hợp đồng tín dụng diễn ra với tần suất ngày càng tăng, tính chất ngày càng phức tạp. Bên cạnh những kết quả đạt được thì hoạt động giải quyết TCHĐTD bằng trọng tài thương mại vẫn còn những khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ. Chính vì những lý do trên, tôi đã chọn đề tài: “***Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại***”. Nội dung luận văn được kết cấu 3 chương như sau:

Chương 1: Khái quát chung về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.

Chương 2. Thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.

Chương 3. Giải pháp hoàn thiện công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trải qua hơn 30 năm đổi mới đất nước, Việt Nam chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế. Cuộn mình theo dòng chảy phát triển của nền kinh tế đó thì nhu cầu về vốn của các cá nhân, tổ chức kinh tế nhằm phục vụ cho mục đích mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh rất cao. Vì vậy, vai trò của Ngân hàng ngày càng trở lên đặc biệt quan trọng. Trong đó, nổi bật hơn cả là hoạt động tín dụng ngân hàng trong việc đáp ứng vốn cho nền kinh tế trên cơ sở hợp đồng tín dụng. Tín dụng ngân hàng ngoài việc đáp ứng nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế, nó còn tạo ra lợi nhuận cho các tổ chức tín dụng và chính yếu tố này đã trở thành động lực thúc đẩy các tổ chức tín dụng huy động vốn tạm thời nhàn rỗi trong nhân dân để mở rộng hoạt động cho vay. Hợp đồng tín dụng tuy là hợp đồng truyền thống mang lại nguồn thu chủ yếu cho các ngân hàng song đây cũng là hoạt động tiềm ẩn những rủi ro vô cùng lớn, điển hình là rủi ro quyền lợi của bên cho vay vì theo cam kết trong hợp đồng, bên cho vay chỉ có thể đòi tiền của bên vay sau một thời hạn nhất định, nếu thời hạn cho vay càng dài thì nguy cơ rủi ro càng cao, vì thế các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thường xảy ra nhiều hơn và tỷ lệ lớn hơn so với các hợp đồng khác.

Tranh chấp hợp đồng tín dụng là một trong các dạng tranh chấp phổ biến hiện nay và việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là phù hợp với các tranh chấp tín dụng hiện đại vì về cơ bản các tranh chấp này là không phức tạp. Trong khi đó, ưu thế của phương pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, đó là nhanh, gọn và kín đáo. Điều này rất có ý nghĩa với hoạt động của ngân hàng, đáp ứng được tính bảo mật của khách hàng. Một đặc trưng nữa của việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là “Phán quyết trọng tài là chung thẩm”. Nếu giải quyết tranh chấp tại tòa án, bản án sơ thẩm có thể bị phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm, thì phán quyết trọng tài không thể như thế. Do đó, ngân hàng nên tận dụng ưu điểm trên bằng cách chọn phương thức giải quyết bằng trọng tài để dễ có và nhanh có một phán quyết có

giá trị thi hành nhằm sớm thu hồi nợ. Bởi Luật Trọng tài quy định: “Hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 của luật này, bên được thi hành phán quyết trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài”.

Trong xu thế hội nhập vô cùng năng động và sôi động đó, thì việc xảy ra các tranh chấp là điều không thể tránh khỏi và cũng không dễ giải quyết được một cách nhanh chóng và chính xác. Hiện nay, chúng ta có rất nhiều các phương pháp giải quyết tranh chấp HĐTD như: Hòa giải, Trọng tài, Tòa án... Nhưng phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thì đang ngày càng khẳng định được vị thế, vai trò, và tính hấp dẫn trong việc giải quyết các tranh chấp. Trên thực tế, xuất phát từ tính chất của HĐTD thì với nhiều yếu tố phức tạp, yếu tố rủi ro, các tranh chấp về hợp đồng tín dụng diễn ra với tần suất ngày càng tăng, tính chất ngày càng phức tạp. Do đó, đòi hỏi những giải pháp triệt để mới phần nào hạn chế và thúc đẩy quá trình giải quyết tranh chấp kịp thời, giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên. Đồng thời, đưa hoạt động tín dụng ngân hàng phát triển đúng hướng, lành mạnh, an toàn, bảo vệ lợi ích hợp pháp cho các chủ thể tham gia. Trong thời gian gần đây, số lượng vụ án kinh doanh, thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng được đưa ra giải quyết tại Trung tâm trọng tài gia tăng và có chiều hướng ngày càng phức tạp, gây khó khăn cho việc giải quyết các tranh chấp này. Song xuất phát từ đặc trưng của hoạt động giải quyết các TCTD nói chung thì đa phần hoạt động giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài đã và đang được chú ý và áp dụng rộng rãi. Bên cạnh những kết quả đạt được thì hoạt động giải quyết TCHĐTD bằng trọng tài thương mại vẫn còn những khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ. Chính vì những lý do trên, tôi đã chọn đề tài: **“Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại”** nhằm tìm hiểu kỹ lưỡng về phương thức giải quyết tranh chấp này, với mong muốn sẽ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp trong hợp đồng thương mại, đồng thời chỉ ra một số hạn chế và đề xuất một số kiến nghị nhằm phát triển hơn nữa phương thức này ở Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu

Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại là một vấn đề cấp thiết, hiện nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về giải quyết tranh chấp tín dụng bằng trọng tài thương mại, như:

- Alan Redfern/Martin Hunter/Nigel Blackaby/Constantine Partasides, Pháp luật và thực tiễn Trọng tài thương mại Quốc tế, Sweet & Maxwell (2004), Dịch và Hiệu đính bởi VIAC và VCCI năm 2010.

- Albert Jan van den Berg, Công ước New York năm 1958, Kluwer Law International (1981), Dịch và hiệu đính bởi VIAC và VCCI năm 2009.

- Albert Jan Van Den Berg, Trọng tài quốc tế và Trung tâm trọng tài quốc gia: Câu chuyện không hồi kết, Kluwer Law International (2001) Dịch và Hiệu đính bởi VIAC và VCCI năm 2010.

- Allan H. Goodman, Kỹ năng cơ bản cho Trọng tài viên mới, NXB Solomon, Dịch và hiệu đính bởi VIAC và VCCI năm 2010.

- Nhà Pháp luật Việt – Pháp, Tuyển tập một số văn bản về trọng tài và hòa giải thương mại, NXB Từ điển Bách khoa (2010).

- Trung tâm thương mại quốc tế UNCTAD/WTO, Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp được lựa chọn (Geneva 2001) Dịch và Hiệu đính bởi VIAC năm 2008.

- Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam VIAC và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI, Các Quyết định Trọng tài Quốc tế chọn lọc, Nhà xuất bản Tư pháp (2010).

- TS Đỗ Văn Đại, Trần Hoàng Hải, Pháp luật Việt Nam về trọng tài thương mại, Nxb. CTQG 2011.

- TS. Đỗ Văn Đại & TS. Trần Hoàng Hải, Tuyển tập các Bản án, Quyết định của Trung tâm trọng tài Việt nam về Trọng tài thương mại, NXB Lao Động (2010).

- Luật trọng tài thương mại năm 2010.
- Cổng thông tin điện tử Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (Viac.vn).
- Cổng thông tin điện tử Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế Thái Bình Dương (Piac.vn).

Bên cạnh đó, còn rất nhiều bài viết đăng lên các báo như trên trang điện tử thoibaonganhang.vn bài của tác giả Quỳnh Vũ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về “*Giải quyết tranh chấp tín dụng bằng trọng tài là phù hợp với các tranh chấp tín dụng hiện đại*”. Báo điện tử diễn đàn doanh nghiệp enternews.vn ngày 12 tháng 5 năm 2018 tác giả Châu Huy Quang có bài viết: “*Vì sao chọn trọng tài thương mại?*”...

Nhìn chung, các công trình khoa học, các đề tài luận văn thạc sỹ, các bài viết của các tác giả nêu trên ở góc độ nhất định đã nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về tranh chấp thương mại và tranh chấp hợp đồng tín dụng; pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại. Với nhiều cách tiếp cận và phạm vi nghiên cứu khác nhau, các công trình khoa học nêu trên đã có những đóng góp nhất định vào việc làm sáng tỏ những vấn đề lý luận chung cũng như đánh giá luật thực định về vấn đề giải quyết tranh chấp HĐTD ở Việt Nam.

Tuy nhiên, ở những giai đoạn lịch sử khác nhau do những thay đổi về điều kiện kinh tế- xã hội và ở những địa phương khác nhau, do có sự khác nhau về điều kiện kinh tế- xã hội mà thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng diễn ra khá đa dạng và phức tạp, nhiều qui định pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại đã bộc lộ những bất cập, hạn chế nên cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện cho phù hợp để các quy định của pháp luật đáp ứng được thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội nói chung trong giai đoạn hiện nay cũng như đáp ứng điều kiện kinh tế- xã hội của từng địa phương cụ thể. Vì vậy, vấn đề pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại cần được tiếp tục nghiên cứu để chỉ ra những vấn đề còn bất

cập, hạn chế. Từ đó làm cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại. Mặc dù đã có các công trình khoa học nào đi sâu nghiên cứu vấn đề pháp luật về tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài song chưa đánh giá hết mức độ áp dụng, giải pháp cần hoàn thiện trong quá trình áp dụng, nhất là việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng sau khi Bộ luật dân sự 2015, Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được ban hành.

Do đó, việc nghiên cứu đề tài có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn pháp lý, góp phần đáp ứng với sự phát triển của kinh tế - xã hội trong tình hình mới, khi các giao dịch HĐTD và tranh chấp về tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại ngày càng gia tăng và các quy định của pháp luật vẫn còn nhiều hạn chế, vướng mắc cần được tiếp tục hoàn thiện.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là thông qua việc nghiên cứu, phân tích một cách có hệ thống các quy định, cách thức về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại; làm rõ bản chất của hợp đồng tín dụng và thủ tục giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại, nhưng cơ sở lý luận và thực tiễn của luật trọng tài thương mại 2010 trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận văn có những nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại; Nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp trong thủ tục giải quyết các vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng tại trung tâm trọng tài thương mại;
- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật trong thủ tục giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng tại trung tâm trọng tài thương mại;

- Nhận xét, đánh giá và nêu phương hướng cũng như một số biện pháp cụ thể nhằm xây dựng thêm về việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu luận văn là những vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: Nghiên cứu các tranh chấp hợp đồng tín dụng (HĐTD) từ thực tiễn giải quyết tại trung tâm trọng tài thương mại.

Thời gian: Số liệu khảo sát thực tiễn ngày 01/10/2011 đến 31/3/2019.

Địa bàn nghiên cứu: thành phố Uông Bí, thành phố Hà Nội.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu,...

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập chung chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và được sử dụng tất cả các chương của luận văn.

- Phương pháp phỏng đoán khoa học được sử dụng chủ yếu trong Chương 3

để đề xuất những giải pháp cho việc hoàn thiện pháp luật.

6. Kết cấu của luận văn

Luận văn được kết cấu 3 chương như sau:

Chương 1: Khái quát chung về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.

Chương 2. Thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.

Chương 3. Giải pháp hoàn thiện công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại.

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

1.1. Khái quát chung về HĐTD và tranh chấp HĐTD

1.1.1. Khái niệm hợp đồng tín dụng

Hợp đồng tín dụng là một căn cứ pháp lý mà qua đó, tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động cho vay. Trong đó, tổ chức tín dụng là doanh nghiệp thực hiện một, một số hoạt động ngân hàng, bao gồm: ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân. Việc cho vay của tổ chức tín dụng và khách hàng vay phải được lập thành hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng phải có nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số vốn vay, lãi suất, thời hạn cho vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thỏa thuận.

Từ điển luật học đưa ra khái niệm về *hợp đồng*¹ như sau: *Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên có tư cách pháp nhân hoặc giữa những người có đầy đủ năng lực hành vi nhằm xác lập, thay đổi, phát triển hay chấm dứt quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi bên. Theo quy định thì có nhiều loại hợp đồng. Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, hợp đồng phải có chữ ký đầy đủ của những người có thẩm quyền của các bên.* Nhưng về mặt pháp lý thì khái niệm trên chưa đầy đủ, vì vậy, tại Điều 388 BLDS 2005 quy định về vấn đề này một cách rõ ràng hơn². Tuy nhiên, nhằm đáp ứng với những thay đổi về hợp đồng trong tình mới, Quốc Hội đã ban hành BLDS 2015, khái niệm “*hợp đồng dân sự*” mà thay bằng khái niệm “*hợp đồng*” nhằm mở rộng phạm vi đối tượng áp dụng, được thể hiện tại Điều 385³.

Trên cơ sở đó thì có thể đưa ra khái niệm *Hợp đồng tín dụng là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức tín dụng (bên cho vay) với khách hàng là tổ chức, cá nhân (bên vay) nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ nhất định giữa các bên theo quy*

1 Nhà xuất bản từ điển bách khoa (2010), *Từ điển luật học*

2 BLDS 2005, điều 388 quy định: *Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự*

3. BLDS 2015, điều 385 quy định: *Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.*

định của pháp luật, theo đó bên cho vay chuyển giao một khoản tiền tệ cho bên vay sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời hạn nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng tín dụng

Điều 17, Quyết định 20 VBHN-NHNN quyết định về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định như sau:

“Việc cho vay của tổ chức tín dụng và khách hàng vay phải được lập thành hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng phải có nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số vốn vay, lãi suất, thời hạn cho vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thỏa thuận.”

Theo quy định trên thì hợp đồng tín dụng sẽ có một số đặc điểm sau đây:

Về chủ thể:

Bên cho vay bắt buộc phải là tổ chức tín dụng, có đủ điều kiện luật định, còn bên vay có thể là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác có đủ điều kiện vay vốn do pháp luật quy định.

Về hình thức

Hợp đồng tín dụng ngân hàng luôn luôn được lập thành văn bản. Hợp đồng tín dụng ngân hàng đa phần là hợp đồng theo mẫu. Tên gọi có thể là: Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng vay; Khế ước vay vốn; hoặc phụ thuộc vào thời hạn vay, mục đích vay, hợp đồng có thể có thêm các cụm từ: “ngắn hạn”; “trung hạn”; “dài hạn”; “đồng Việt Nam”; “ngoại tệ”; “tiêu dùng”; “đầu tư”... Hợp đồng tín dụng có thể được công chứng, chứng thực phụ thuộc vào sự thỏa thuận của các bên.

Về đối tượng:

Hợp đồng tín dụng ngân hàng có đối tượng là những khoản vốn được thể hiện dưới hình thức tiền tệ.

1.1.3. Khái niệm giải quyết tranh chấp

Giải quyết tranh chấp kinh tế là giải quyết những bất đồng giữa các chủ thể phát sinh trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của mình. Những tranh chấp nảy sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.4. Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng

1.1.4.1. Khái niệm

(i) Khái niệm

Tranh chấp trong hợp đồng tín dụng phát sinh từ sự mâu thuẫn hay không thống nhất về quyền và nghĩa vụ hoặc lợi ích trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng của các bên tham gia. Một hợp đồng tín dụng chỉ được coi là có tranh chấp khi sự xung đột, bất đồng về quyền lợi giữa các bên đã được thể hiện ra bên ngoài thông qua những bằng chứng cụ thể và xác định được. Tranh chấp hợp đồng tín dụng là sự tranh chấp giữa tổ chức tín dụng (bên cho vay) với khách hàng là tổ chức, cá nhân (bên vay) về hợp đồng tín dụng nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ nhất định giữa các bên theo quy định của pháp luật. Tranh chấp phát sinh từ HĐTD là tình trạng pháp lý trong quan hệ HĐTD, mà ở đó các bên thể hiện sự xung đột hay bất đồng ý chí với nhau về những quyền và nghĩa vụ phát sinh từ HĐTD.

Tranh chấp hợp đồng khác biệt với vi phạm hợp đồng. Vi phạm hợp đồng là hành vi pháp lý của các bên đã xử sự trái với các điều khoản được cam kết trong hợp đồng. Còn tranh chấp hợp đồng là ý kiến không thống nhất của các bên về hành vi vi phạm đó hoặc cách thức giải quyết hậu quả phát sinh từ sự vi phạm đó và được thể hiện ra bên ngoài.

(ii) Đặc điểm tranh chấp HĐTD

Thứ nhất, giá trị của tranh chấp HĐTD ngân hàng thường có giá trị lớn hoặc thậm chí là rất lớn. Xuất phát từ nhu cầu vay vốn của bên vay thì khi ký kết HĐTD thì thường là do bên đi vay có nhu cầu về vốn mà không thể tự mình xoay sở được. Nhu cầu đó thường là để bổ sung vốn kinh doanh đối với tổ chức hoặc vay để phát triển kinh tế đối với cá nhân, hộ gia đình. Do đó, số tiền này không phải là nhỏ và dễ dàng vay được từ các tổ chức, cá nhân ngoài xã hội mà không phải là ngân

hàng. Thực tế không hiếm các trường hợp các TCTD lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả do “nợ xấu”. Một khi khách hàng vay không thể thanh toán được nợ, tranh chấp xảy ra thì TCTD sẽ là chủ thể bị thiệt hại lớn vì nguồn vốn bị ứ đọng, phải thực hiện các biện pháp khắc phục, mục đích lợi nhuận ban đầu không còn hoặc bị gián đoạn. Mặt khác, khi tranh chấp HĐTD xảy ra thì TCTD sẽ mất lòng tin với khách hàng vay vốn, các HĐTD tiếp theo sẽ khó mà thực hiện, kể cả khi bên đi vay chứng minh lại được khả năng tài chính của mình. Do đó, có thể nói tranh chấp HĐTD là loại tranh chấp có giá trị thiệt hại lớn, không chỉ ảnh hưởng đến bên cho vay mà còn cả đối với bên đi vay. Thậm chí nếu tranh chấp xảy ra nhiều thì ảnh hưởng đó không chỉ ảnh hưởng đến một TCTD mà có thể ảnh hưởng dây chuyền đến các TCTD khác trong nền kinh tế.

Hai là, tranh chấp HĐTD được giải quyết dựa trên nguyên tắc tự do thỏa thuận trong khuôn khổ pháp luật của các bên tham gia tranh chấp. Trên cơ sở tuân thủ quy định của BLDS 2015 đề cao nguyên tắc về tôn trọng sự thỏa thuận của các bên. Do đó, kể cả đối với việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD thì các bên cũng có quyền thỏa thuận để đạt được hiệu quả tối ưu nhất trong trường hợp có tranh chấp xảy ra. Khi các bên tham gia tranh chấp có thể thỏa thuận được với nhau thì việc giải quyết tranh chấp sẽ diễn ra nhanh chóng, thuận lợi hơn, đồng thời giảm thiểu được thiệt hại về thời gian, tiền bạc, công sức của các bên. Về phía các cơ quan tài phán, thi hành án thì việc thỏa thuận này cũng có ý nghĩa trong việc giảm nhẹ khối lượng, áp lực công việc trong điều kiện các tranh chấp ngày càng xảy ra nhiều và phức tạp như hiện nay.

Ba là, các tranh chấp HĐTD luôn có sự tham gia của một bên là TCTD và phần lớn các tranh chấp HĐTD thì nguyên đơn là tổ chức tín dụng cho vay, bị đơn là bên đi vay. Đây là đặc thù của HĐTD so với các HĐ khác trong hoạt động thương mại, dân sự trong thực tế. Sự tham gia của TCTD là một dấu hiệu đặc trưng nhằm phân biệt giữa tranh chấp HĐTD và tranh chấp hợp đồng vay tài sản thông thường giữa các tổ chức, cá nhân khác mà không phải là TCTD.

Bốn là, đa phần các tranh chấp liên quan đến HĐTD ngân hàng chính là các

tranh chấp liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn, lãi của bên vay cho TCTD, về mức lãi suất vay, về vấn đề bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD. Các tranh chấp khác cũng có tác động đến các TCTD nhưng không phải là cơ bản nên ít xảy ra hơn so với tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả vốn và lãi hay tranh chấp về lãi suất, về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Năm là, tranh chấp HĐTD ngân hàng thường là tiền đề làm phát sinh và gắn liền với một quan hệ hợp đồng khác: hợp đồng bảo đảm tiền vay thông qua hình thức cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Các TCTD khi tham gia vào HĐTD đều có mục đích lợi nhuận từ việc cho vay đó vì bản chất của TCTD là doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ. Để giảm thiểu rủi ro trong trường hợp bên vay không trả được nợ, thông thường TCTD chỉ đồng ý cho bên đi vay được vay vốn khi họ có cầm cố, thế chấp bằng tài sản hoặc có bảo lãnh của bên thứ ba. Các biện pháp bảo đảm này đóng vai trò là phương pháp dự phòng của TCTD khi rủi ro xảy ra.

Sáu là, tranh chấp HĐTD phát sinh từ sự xung đột về lợi ích giữa các bên tham gia tranh chấp. Vì tranh chấp HĐTD cũng là một loại tranh chấp hợp đồng nên phải xuất phát từ xung đột lợi ích của các bên trong hợp đồng.

1.1.4.2. Nguyên nhân làm phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng

(i) Nguyên nhân từ phía bên cho vay (ngân hàng)

- Thực hiện nghĩa vụ chuyển giao vốn (vấn đề giải ngân):

Việc bên cho vay đã không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ giải ngân làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bên vay, làm hạn chế khả năng thực hiện kế hoạch kinh doanh như dự kiến, hiệu quả kinh doanh đạt được thấp gây ảnh hưởng đến việc trả lãi và gốc sau này.

- Năng lực, phẩm chất, đạo đức của cán bộ tín dụng:

+ Thứ nhất, do sự hạn chế về năng lực nghiệp vụ của cán bộ ngân hàng

+ Thứ hai, do các ngân hàng thường có thói quen tập trung nhiều công sức

cho việc thẩm định trước khi cho vay mà không kiểm soát sử dụng vốn cho vay.

(ii) Nguyên nhân từ phía bên vay (khách hàng)

- Tranh chấp liên quan đến thanh toán nợ gốc và lãi suất:

Nguyên nhân khách quan thể hiện ngoài ý chí của khách hàng như do thiên tai, hỏa hoạn, do sự thay đổi của chính sách quản lý kinh tế, điều chỉnh quy hoạch ngành, sự tác động của cuộc khủng hoảng tài chính trong và ngoài nước, quan hệ cung cầu hàng hoá thay đổi ... làm cho hoạt động của bên vay không thực hiện như kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân chủ quan được hiểu là hành vi cố ý vi phạm nghĩa vụ trả nợ của khách hàng.

- Tranh chấp do khách hàng thiếu hiểu biết về pháp luật.

(iii) Nguyên nhân do bất cập của các quy định pháp luật.

(iv) Nguyên nhân từ thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước về bình ổn kinh tế.

(v) Nguyên nhân từ việc thay đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng vay tiền tại các TCTD không đúng quy định pháp luật.

1.1.4.3. Phân loại tranh chấp hợp đồng tín dụng

(i) Tranh chấp phát sinh từ HĐTD có hai loại :

- **Thứ nhất**, tranh chấp HĐTD là tranh chấp về hợp đồng dân sự khi bên vay vốn là hộ gia đình, cá nhân hay tổ chức không có đăng ký kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận.

- **Thứ hai**, tranh chấp HĐTD là tranh chấp KDTM khi bên vay vốn là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận.

(ii) Các dạng tranh chấp HĐTD:

- Tranh chấp do các bên vi phạm nghĩa vụ trong HĐTD.

- Tranh chấp về chủ thể xác lập, thực hiện hợp đồng.

- Tranh chấp xảy ra từ việc thực hiện biện pháp bảo đảm đối với HĐTD có bảo đảm bằng tài sản và xử lý tài sản bảo đảm.

- Tranh chấp về pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD.

1.1.5. Khái niệm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

1.1.5.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Giải quyết tranh chấp được hiểu là làm cho các xung đột, bất đồng không còn thành vấn đề nữa. Khi xảy ra tranh chấp các chủ thể thường lựa chọn, sử dụng một hoặc một số phương thức phù hợp để giải quyết tranh chấp của mình. Việc chủ thể lựa chọn phương thức nào để giải quyết tranh chấp để đảm bảo phù hợp và mang lại kết quả như mong đợi còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Bởi đối với mỗi loại tranh chấp có các phương thức giải quyết khác nhau, bản thân mỗi phương thức lại có những đặc trưng riêng, được thực hiện bằng các quy tắc, hình thức và thủ tục của nó. Chính vì vậy, mỗi phương thức giải quyết tranh chấp đều có những ưu điểm và hạn chế của mình.

Để lựa chọn được phương thức giải quyết phù hợp với với mục tiêu đạt được, bản chất tranh chấp, mối quan hệ kinh doanh giữa các bên, thời gian và chi phí dành cho việc giải quyết tranh chấp đòi hỏi các bên phải hiểu rõ bản chất và cân nhắc các ưu điểm, nhược điểm của từng phương thức. Tuy nhiên, dù là phương thức giải quyết tranh chấp nào cũng phải đảm bảo quyền bình đẳng, quyền tự định đoạt của các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

1.1.5.2. Đặc điểm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Để bảo đảm quyền lợi của các chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp HĐTD thì việc giải quyết tranh chấp này đòi hỏi phải đạt được các yêu cầu sau:

Thứ nhất, tranh chấp phải được giải quyết một cách kịp thời, phải đảm bảo nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật.

Thứ hai, trong quá trình giải quyết tranh chấp phải bảo đảm giữ được bí mật của hoạt động kinh doanh cũng như uy tín của các bên trong quan hệ tranh chấp.

Thứ ba, quá trình giải quyết phải đảm bảo tính dân chủ và quyền tự định đoạt của các bên với chi phí giải quyết thấp.

1.1.6. Các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

- Giải quyết tranh chấp thương mại là quá trình các chủ thể của tranh chấp tiến hành lựa chọn các hình thức, biện pháp hợp pháp để “bình ổn” các mâu thuẫn, “dung hòa” quyền và lợi ích cũng như những bất đồng, xung đột về nghĩa vụ giữa các bên trong hoạt động thương mại.

Các phương thức giải quyết tranh chấp: Có 04 phương thức: thương lượng; hòa giải; trọng tài và Tòa án.

- ***Giải quyết tranh chấp HĐTD bằng thương lượng***: là phương thức giải quyết đầu tiên trong quá trình giải quyết tranh chấp, thể hiện ở việc các bên trong tranh chấp chủ động gặp gỡ nhau, bàn bạc, trao đổi quan điểm và thỏa thuận để đi đến những giải pháp về quyền lợi cũng như nghĩa vụ của mỗi bên, góp phần “xoa dịu” các mâu thuẫn, bất đồng trong tranh chấp giữa các bên.

- ***Giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hoà giải***: các bên được thỏa thuận lựa chọn ra một bên trung gian khách quan và độc lập, có kiến thức, kinh nghiệm, uy tín cũng như kỹ năng giải quyết tranh chấp để đưa ra các lời khuyên về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên. Phương thức hòa giải cũng được các bên ưu tiên lựa chọn vì thủ tục nhanh gọn, chi phí thấp, các bên có quyền định đoạt, không làm ảnh hưởng đến mối quan hệ hợp tác giữa các bên, uy tín, bí mật kinh doanh được giữ kín. Tuy nhiên kết quả hòa giải cũng không được pháp luật bảo đảm thi hành, hoàn toàn phụ thuộc vào thiện chí của các bên.

- ***Giải quyết tranh chấp HĐTD bằng Trọng tài thương mại***: Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là một hình thức giải quyết tranh chấp không thể thiếu trong quá trình phát triển của các quan hệ kinh tế và được các chủ thể ưa chuộng.

Phương thức trọng tài do chính các bên trong tranh chấp thỏa thuận lựa chọn, nhưng sẽ được tiến hành theo quy trình pháp luật quy định.

Trong phương thức trọng tài sẽ có một Hội đồng trọng tài hoặc trọng tài viên với tư cách là một bên trung gian, độc lập nhằm giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp bằng việc đưa ra phán quyết có giá trị bắt buộc thi hành đối với các bên.

Ưu điểm của phương thức giải quyết tranh chấp này là có tính linh hoạt, tạo quyền chủ động cho các bên, tính nhanh chóng, tiết kiệm được thời gian có thể rút ngắn thủ tục tố tụng trọng tài và đảm bảo bí mật. Trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc án, quyết định trọng tài không được công bố công khai rộng rãi. Theo nguyên tắc này, các bên có thể giữ được bí mật kinh doanh cũng như danh dự, uy tín của mình. Phán quyết của trọng tài có tính chung thẩm, đây là ưu thế vượt trội so với hình thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải. Sau khi trọng tài đưa ra phán quyết thì các bên không có quyền kháng cáo trước bất kỳ một tổ chức hay Trung tâm trọng tài nào. Đồng thời, phán quyết của [trọng tài](#) có tính bắt buộc thi hành với các bên. Khi đã hết thời hạn tự nguyện thi hành nhưng có một trong các bên không thực hiện, bên còn lại có quyền gửi đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự cưỡng chế thi hành phán quyết của trọng tài.

Tuy nhiên giải quyết bằng phương thức trọng tài đòi hỏi chi phí tương đối cao, vụ việc kéo dài thì chi phí trọng tài cũng cao. Việc thi hành phán quyết của trọng tài không phải lúc nào cũng thuận lợi, trôi chảy.

- ***Giải quyết tranh chấp HĐTD bằng Tòa án:*** Đây là phương thức có sự tham gia giải quyết của đại diện quyền lực nhà nước là Trung tâm trọng tài. Vì vậy quy trình giải quyết tranh chấp phải tuân thủ quy định chặt chẽ của [pháp luật tố tụng](#). Đồng thời, bản án, quyết định của Trung tâm trọng tài được đảm bảo thi hành bằng hệ thống cơ quan thi hành án của nhà nước.

Trong thực tiễn pháp lý, khi các biện pháp thương lượng, hòa giải, trọng tài không đem lại kết quả, các chủ thể mới lựa chọn đến Trung tâm trọng tài giải quyết, bởi tính rườm rà, phức tạp, thiếu linh hoạt của quy trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

1.2. Giải quyết tranh chấp HĐTD bằng TTMT

1.2.1. Khái niệm

Theo khoản 1 điều 3 [Luật trọng tài thương mại năm 2010](#) thì “Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận và được tiến hành theo quy định của Luật này”.

Như vậy ta có thể hiểu Trọng tài thương mại là hình thức tài phán mà quyền lực của nó được tạo nên bởi chính các bên trong quan hệ tranh chấp thương mại. Tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự, pháp luật quy định nguyên tắc loại trừ thẩm quyền của Trung tâm trọng tài khi các bên đã lựa chọn trọng tài.

1.2.2. Đặc điểm

Trọng tài thương mại có nhiều ưu điểm như thủ tục đơn giản, linh hoạt theo thỏa thuận của các bên giúp giải quyết tranh chấp nhanh chóng. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài không công khai giúp Doanh nghiệp giữ bí mật được các thông tin tranh chấp có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Cơ cấu tổ chức của trung tâm trọng tài gồm có ban điều hành, ban thư ký và các trọng tài viên của trung tâm. Tổ chức và quản lý của các trung tâm trọng tài nói chung đơn giản, gọn nhẹ. Ban điều hành của trung tâm trọng tài gồm có chủ tịch, một hoặc các phó chủ tịch và có thể có tổng thư ký trung. Bên cạnh ban điều hành, trung tâm trọng tài còn có các trọng tài viên trong danh sách trọng tài viên của trung tâm trọng tài, thông thường thì danh sách này mang tính chất khuyến nghị. Các trọng tài viên tham gia vào việc giải quyết tranh chấp khi được chọn hoặc chỉ định.

Trung tâm trọng tài có thể tự quyết định về lĩnh vực hoạt động và có quy tắc tổ tụng riêng. Trong quá trình hoạt động, các trung tâm trọng tài có quyền mở rộng và thu hẹp phạm vi lĩnh vực hoạt động, nhưng phải tiến hành đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đặc điểm này cho phép các trung tâm trọng tài có thể được tổ chức và hoạt động với tính chất trọng tài chuyên ngành (chỉ giải quyết những loại tranh chấp thương mại nhất định).

1.2.3. Ý nghĩa giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài

Trên cơ sở giải quyết các TCHĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại đã và đang đạt được những kết quả quan trọng, từ đó, phương thức này đã có những ý nghĩa quan trọng như sau:

Thứ nhất, thông qua phương thức giải quyết TCHĐTD bằng trọng tài thương mại được thực hiện trên sự thống nhất ý chí, sự tự do thỏa thuận của các chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng thông qua việc xác nhận khi giao kết hợp đồng. Điều này là điều kiện cơ bản để khi có phát sinh tranh chấp giữa chính các chủ thể đó. Thông qua việc thực hiện các quy định về giải quyết TCHĐTD bằng hình thức trọng tài đã thể hiện quyền tự do kinh doanh, quyền tự do thỏa thuận và đã được đạo luật tối cao của Việt Nam, đó là Hiến pháp, đồng thời góp phần phát huy tính dân chủ, khách quan trong quá trình tố tụng trọng tài.

Thứ hai, sự xuất hiện và được công nhận phương thức này nhằm chia sẻ gánh nặng và giảm tải đáng kể trong hoạt động xét xử vụ án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng của Tòa án, giảm bớt áp lực cho các người tiến hành tố tụng tại Tòa án, tạo sự hài hòa cân đối vấn đề giải quyết tranh chấp trong đời sống kinh tế xã hội. Đồng thời, với các quy định về giải quyết TCHĐTD bằng trọng tài sẽ phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển trong khu vực và trên thế giới khi mà hình thức thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài luôn được áp dụng trong quá trình tham gia quan hệ kinh tế nói riêng ở nước ta hiện nay.

Thứ ba, trọng tài giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng luôn mang lại những lợi ích thiết thực cho các bên tranh chấp, tạo cơ hội cho các bên lựa chọn và chỉ định trọng tài viên mà họ tin nhiệm, điều này có ý nghĩa rất quan trọng để giúp các bên có được sự công bằng và thỏa mãn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Thông qua hoạt động này góp phần đảm bảo cho việc giữ bí mật kinh doanh, quá trình giải quyết nhanh gọn và đảm bảo quá trình giải quyết tranh chấp tín dụng trong thực tế giữa các TCTD và các chủ thể kinh doanh nói riêng.

Thứ tư, đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng một cách nhanh gọn cho các bên tranh chấp, hạn chế được sự tổn k m thời gian và tài chính là hai yếu tố vàng trong kinh doanh, từ đó góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Thứ năm, phương thức này cũng là một trong những biện pháp mà Nhà nước sử dụng để nhằm bảo vệ sự an toàn trong các giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, góp phần quản lý xã hội, quản lý kinh tế bằng pháp luật.

Thứ sáu, việc giải quyết tốt các tranh chấp giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, bởi nó sẽ tháo bỏ các rào cản trong kinh doanh, thiết lập lại sự tin tưởng, tín nhiệm lẫn nhau cho các chủ thể tham gia hoạt động hợp đồng tín dụng .

Thứ bảy, thông qua việc áp dụng phương thức này trong thực tiễn kinh doanh sẽ chỉ ra được những bất cập trong việc quy định của pháp luật và tạo định hướng cho việc hoàn thiện pháp luật, tạo hàng lang pháp lý cho hoạt động tín dụng ngày càng phát triển. Bởi lẽ, ưu điểm của giải quyết tranh chấp tín dụng bằng Trọng tài, theo đó, nhanh, kín và tiện lợi.

1.2.4. Khung pháp lý về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng TTTM

Hệ thống cơ sở pháp lý ngày càng đầy đủ hơn về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng TTTM . Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Luật các TCTD năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017, cũng như Luật các TCTD năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2004) và các văn bản quy định pháp luật đều có những quy định chi tiết nhằm điều chỉnh việc ký kết các HĐTD và giải quyết tranh chấp HĐTD bằng TTTM.

1.2.5. Các yếu tố tác động đến giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trung tâm trọng tài thương mại

(i) Yếu tố pháp luật

Yếu tố pháp luật: Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, trọng tài thương mại, với tư cách là một cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án, đã và đang góp phần không nhỏ vào sự ổn định của hoạt động thương mại trên thế giới. Ở nước ta, tiến trình hình thành và phát triển của trọng tài thương mại được thể hiện qua ba giai đoạn chủ yếu. Đây là điều kiện quan trọng thực hiện thỏa thuận trọng tài. Bên cạnh việc ban hành hệ thống văn bản pháp luật nhằm điều chỉnh và khuyến khích sự phát

triển của trọng tài thương mại, Nhà nước cũng cần có hành động cụ thể nhằm hỗ trợ cơ chế tài phán này. Tiêu biểu như ở Hoa Kỳ, các luật liên bang quan trọng nhất là Đạo luật Trọng tài Liên bang hoặc “FAA”, đó đưa ra chế độ cho cả hai trọng tài trong nước và quốc tế. Đây là mảnh cổ xưa nhất của pháp luật. Nhiều nước châu Á khác như Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Philippines cũng hỗ trợ hoạt động trọng tài khá hiệu quả. Ngoài ra, Nhà nước cũng có thể giúp các trung tâm trọng tài giảm nhẹ gánh nặng tài chính bằng cách miễn thuế cho họ. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, trọng tài cũng rất cần đến cơ chế phối hợp từ các cơ quan nhà nước, mà trực tiếp là hệ thống toà án, đặc biệt trong việc cưỡng chế thi hành phán quyết cũng như công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Mức độ hỗ trợ của Nhà nước đối với trọng tài là tác nhân quan trọng thúc đẩy sự phát triển của mô hình này. Vì vậy, ngoài việc xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp, cần có những chính sách cụ thể nhằm khuyến khích và thúc đẩy quá trình hoạt động của trọng tài GQ TCHĐTD.

(ii) Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước ta về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại.

Hoạt động tín dụng có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của mỗi một quốc gia, ngoài ra vì tính chất nhạy cảm của Hoạt động tín dụng nên những vấn đề liên quan đến lĩnh vực này luôn có sự chỉ đạo sát sao, sự quan tâm cụ thể của Đảng và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc đưa ra đường lối chính sách về pháp luật giải quyết các vụ tranh chấp liên quan đến hoạt động tín dụng là điều cần thiết.

Trong tiến trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa IX chúng ta đã đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần quản lý chặt chẽ về vấn đề giải quyết tranh chấp hoạt động tín dụng nói chung và giải quyết vấn đề tranh chấp về hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

Điều này thể hiện qua việc Chính phủ rất quan tâm về hoạt động giải quyết TCHĐTD qua việc phê duyệt Đề án hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết

tranh chấp hợp đồng bằng phương thức trọng tài thương mại, hòa giải thương mại. Mục tiêu tổng quát của Đề án là hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng phương thức trọng tài thương mại, hòa giải thương mại theo hướng thống nhất, đồng bộ, khả thi, chi phí tuân thủ pháp luật thấp, góp phần giảm thiểu các tranh chấp hợp đồng và nâng xếp hạng chỉ số giải quyết tranh chấp hợp đồng, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao chỉ số cạnh tranh quốc gia, xây dựng tín dụng đầu tư kinh doanh thuận lợi ở Việt Nam..

Thông qua đó đã thể hiện việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, nâng cao hiệu quả và trách nhiệm về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại tránh việc kéo dài thời gian giải quyết tranh chấp, dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo vượt cấp, gây mất ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta. Đồng thời, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta là cần kiện toàn về công tác quản lý hành chính Nhà nước đảm bảo cho quá trình phát triển của hoạt động tín dụng nói chung đáp ứng với tình hình mới của đất nước. Các cơ quan nhà nước phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng. Cơ chế giải quyết tranh chấp về Hoạt động tín dụng cần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Bên cạnh đó đề cao trách nhiệm, tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm các tranh chấp hoạt động tín dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước thì việc hoàn thiện cơ chế giải quyết các vấn đề về tranh chấp hoạt động tín dụng nói chung và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại nói riêng ở nước ta là yếu tố quan trọng trong việc hình thành nên các quy định của pháp luật và thực hiện có hiệu quả những quy định này trong thực tế. Một trong những đóng góp lớn nhất mà Nhà nước có thể tạo ra để vận hành tốt hơn chính sách về tín dụng trong thời gian hiện tại và trong tương lai.

(iii) Ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế - xã hội trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại

Hoạt động tín dụng là một trong những lĩnh vực quan trọng và có nhiều ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi một quốc gia. Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về tín dụng càng tăng do xuất phát từ việc sử dụng vốn cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và hoạt động tiêu dùng. Thông qua việc thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận theo hợp đồng nên kéo theo các tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại tăng. Để giải quyết các bất đồng, mâu thuẫn giữa các bên, các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp cần lựa chọn các quy định của pháp luật để làm căn cứ cho việc giải quyết được đảm bảo.

Sự phát triển kinh tế xã hội ảnh hưởng đến các quy định của pháp luật, khi xã hội phát triển nhu cầu điều chỉnh các quan hệ mới phát sinh. Do đó, cần phải có pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội đó, các quy định của pháp luật phải phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc ban hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại cần phải dựa trên sự phát triển của nền kinh tế, xã hội để kịp thời điều chỉnh các tranh chấp xảy ra.

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng có nhiều tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và quy định của pháp luật, sự phát triển và kế thừa những thành tựu về khoa học công nghệ và áp dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn đã nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế và tri thức con người trong điều kiện mới, trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta như hiện nay, đòi hỏi phải có một nền pháp chế phù hợp để thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển, phù hợp với pháp luật quốc tế để mở rộng giao lưu, hợp tác trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội. Muốn thúc đẩy sự phát triển của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực tín dụng cần phải có những quy định pháp luật phù hợp với điều kiện trong nước và quốc tế nhằm kịp thời điều chỉnh các tranh chấp phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước và thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

Mỗi thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội đều có sự điều chỉnh của pháp luật, khi kinh tế xã hội phát triển thì pháp luật cũng phải được ban hành, sửa đổi để phù hợp

với sự phát triển của nền kinh tế để thúc đẩy kinh tế phát triển và đảm bảo pháp luật được thực thi trong đời sống xã hội. Vì vậy, sự phát triển kinh tế - xã hội có ảnh hưởng rất lớn đến chính sách pháp luật của Nhà nước. Pháp luật và sự phát triển kinh - tế xã hội có mối quan hệ mật thiết thúc đẩy qua lại lẫn nhau, pháp luật phù hợp sẽ thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển và thông qua pháp luật để Nhà nước thống nhất quản lý các lĩnh vực của đời sống.

Ngoài ra, chính sách cải cách hành chính, cải cách tư pháp cũng được Đảng, Nhà nước ta quan tâm và ngày càng có tác động tiêu cực đến hoạt động giao dịch tín dụng và hoạt động giải quyết TCHĐTTD bằng hình thức trọng tài. Ngoài ra, với trình độ năng lực của của đội ngũ cán bộ trong các trọng tài viên cũng ngày càng được nâng cao nhằm giải quyết có hiệu quả và kịp thời các tranh chấp hoạt động tín dụng xảy ra trong thực tiễn đời sống xã hội. Trong thời gian tới, để đưa kinh tế xã hội ngày càng phát triển và hội nhập quốc tế, công tác cải cách nền hành chính - tư pháp và nâng cao kinh nghiệm năng lực của đội ngũ cán bộ cũng như trình độ và nhận thức pháp luật của người dân cần tiếp tục đẩy mạnh. Thực hiện chương trình tổng thể về cải cách hành chính nhà nước theo hướng xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, phục vụ nhân dân, hoàn thiện thể chế hành chính dân chủ - pháp quyền. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp cũng như các thủ tục tố tụng để tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho hoạt động của các cơ quan này đạt hiệu quả. Tăng cường hơn nữa công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao kiến thức và năng lực cho đội ngũ cán bộ, tuyên truyền, giáo dục pháp luật sâu rộng trong quần chúng nhân dân.

(iv) Về phía bên cho vay (ngân hàng) Ngân hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ giải ngân cho khách hàng như đã cam kết. Các tổ chức tín dụng không chấp hành nghiêm chỉnh chế độ tín dụng và điều kiện cho vay. Nhiều tổ chức cho vay không tiến hành quy trình thẩm định theo nguyên tắc. Chính sách và quy trình cho vay chưa thực sự chặt chẽ, chưa có quy trình quản trị rủi ro hữu hiệu, chưa chú trọng đến phân tích khách hàng, xếp loại rủi ro tín dụng để tính toán điều kiện và khả năng trả nợ của khách hàng khi đáo hạn. Ở Việt Nam, các

ngân hàng thường dựa chủ yếu vào giá trị tài sản bảo đảm để quyết định cho vay nên nhiều khi bỏ qua nhiều khách hàng tiềm năng.

(v) Về phía bên vay (khách hàng) Bên vay không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ những nghĩa vụ của mình. Điều này có thể do nhiều yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan.

- Yếu tố chủ quan. Là yếu tố xuất phát từ mỗi khách hàng, đó có thể xuất phát từ vốn tự có tham gia sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân không đáp ứng nhu cầu, năng lực điều hành còn hạn chế, thiếu thông tin thị trường và thông tin về các đối tác, bạn hàng làm ảnh hưởng tới quá trình sản xuất, công nghệ chưa được cải thiện nên sản phẩm tạo ra chưa có tính cạnh tranh cao, hiệu quả kinh doanh kém, hậu quả kinh doanh thua lỗ lâm vào tình trạng phá sản. Ngoài ra nhiều trường hợp tổ chức, cá nhân cố tình đưa ra những thông tin sai sự thật ngay từ khi vay vốn. Những tổ chức, cá nhân thiếu hiểu biết về pháp luật. Hiện nay, trình độ hiểu biết của khách hàng về những kiến thức pháp luật liên quan còn rất hạn chế. Đã có nhiều trường hợp khách hàng ký hợp đồng trái pháp luật, tự họ đặt bản thân họ vào tình trạng bất lợi và phải gánh chịu nhiều hậu quả nặng nề. Trong thời gian tới, Nhà nước cần có nhiều kênh thông tin tạo cơ hội cho những tổ chức, cá nhân nói riêng tiếp cận và nắm vững được quy định của pháp luật, nhằm hạn chế những rủi ro đối với các bên.

- Yếu tố khách quan. Là những yếu tố tác động ngoài ý chí của khách hàng như do thiên tai, hoả hoạn, do sự thay đổi của chính sách quản lý kinh tế, điều chỉnh quy hoạch, do biến động thị trường trong và ngoài nước, quan hệ cung cầu hàng hoá thay đổi...làm cho hoạt động của bên vay không tiến hành được như kế hoạch đã định.

- Yếu tố gây ra do quy định của pháp luật. Nhiều quy định còn được hiểu chưa thống nhất, dẫn đến mỗi bên hiểu theo những cách khác nhau nhằm bảo vệ cho quyền và lợi ích của mình, từ đó nảy sinh những bất đồng mâu thuẫn và đi đến tranh chấp. Hiện nay, pháp luật quy định các bên cho vay nếu muốn từ chối khách hàng nào thì bắt buộc phải đưa ra các căn cứ hay những lý do chính đáng. Nhưng chưa có

vấn bản nào hướng dẫn về vấn đề này. Vì thế, phía người cho vay quan niệm rằng cho vay là quyền được tự do kinh doanh của họ vì vậy lý do có chính đáng hay không do họ quyết định. Còn người đi vay thì không đồng ý với cách hiểu đó và trong những trường hợp bị từ chối họ sẵn sàng khiếu nại tới các cơ quan có liên quan để yêu cầu giải quyết. Cả hai cách hiểu đó đều không thoả đáng. Để khắc phục tình trạng này, nhất thiết phải có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để các bên trong hợp đồng cũng như các nhà áp dụng pháp luật được thống nhất.

(vi) Kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại

Xuất phát từ bản chất của hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại để giải quyết các tranh chấp về tín dụng trong hoạt động thương mại. Do đó, để hoạt động này được thực hiện thì các Trọng tài viên thuộc trọng tài vụ việc hay trọng tài thường trực phải sẽ sử dụng nghiệp vụ đặc thù và kinh nghiệm để thực hiện các hoạt động nhằm giải quyết các tranh chấp. Hoạt động giải quyết tranh chấp có vai trò rất quan trọng để đưa ra một phương án để đảm bảo cho thực hiện các quyền và nghĩa vụ trên thực tế. Hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại do trọng tài viên tiến hành có điều kiện thuận lợi và khách quan để phát hiện vi phạm, ngăn ngừa được vi phạm pháp luật, bảo đảm quyền các chủ thể trong quá trình áp dụng trong quá trình giải quyết TCHĐTD ở nước ta hiện nay.

(vii) Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất trong hoạt động tổ tụng trọng tài nhằm đảm bảo cho quyền và lợi ích của các chủ thể,

Tín dụng làm việc, trình độ năng lực của các TTV, cơ sở vật chất là những yếu tố căn bản trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của TTV nhằm bảo đảm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại. Tín dụng làm việc tốt là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của TTV, cán bộ giúp việc cũng như quyết định đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của TTV trong lĩnh vực này nói riêng và thi hành pháp luật nói chung. Thực tế cho thấy không ít cơ quan, tổ chức, đơn vị có tín dụng làm việc, năng lực trình độ của các

cán bộ chưa tốt dẫn đến những hậu quả có thể nhìn thấy được như: Chất lượng, hiệu quả làm việc kém; mất đoàn kết; thậm chí cán bộ có trình độ, năng lực xin thôi việc hoặc chuyển công tác... Để xây dựng một tín dụng làm việc tốt, mỗi TTV cần phải xác định đây là nhiệm vụ cần được ưu tiên hàng đầu song song với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ trên từng lĩnh vực nói chung và trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của TTV nhằm bảo đảm cho hoạt động tố tụng trọng tài nhằm bảo vệ giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại. Việc bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất như phòng làm việc, bàn, ghế, điện thoại, máy vi tính... và các máy móc kỹ thuật hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị để trang bị cho cán bộ nhưng phải đảm bảo các yếu tố của trung tâm trọng tài. Ngoài ra, cần thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo đúng yêu cầu tiêu chuẩn của mỗi chức danh, ngạch, bậc cán bộ TTV và yêu cầu nhằm phục vụ cho quá trình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước có trách nhiệm quản lý về hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại. Quá trình xây dựng tín dụng làm việc cũng như nâng cao chất lượng trình độ cho các cán bộ làm công tác trong lĩnh vực này là một trong những nội dung, nhiệm vụ hàng đầu mà cơ quan, tổ chức hay đơn vị phải quan tâm thực hiện, đáp ứng với yêu cầu công việc, nhiệm vụ đã được đề ra.

Kết luận chương 1

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy rằng pháp luật quy định phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng phương thức trọng tài đã từng bước phát triển và dần hoàn thiện hơn. TTTM là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD với nhiều ưu điểm vượt trội, từng bước thu hút sự quan tâm của các nhà kinh doanh trong nước lẫn quốc tế. Với việc trọng tài viên độc lập xét xử và quyền lực tài phán của trọng tài được pháp luật công nhận, làm cho phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài vừa mang đáng dấp của phương thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải, vừa mang đáng dấp của phương thức giải quyết tranh chấp bằng Tòa án, với sự kết hợp này thì phương thức giải

quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài trở nên hoàn chỉnh hơn vì đã hội đủ tất cả bản chất và nội dung của các phương thức giải quyết tranh chấp khác. Phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng trọng tài đang từng bước phát huy vai trò của mình, có ý nghĩa là một phương thức giải quyết tranh chấp mang tính tài phán tư. Với những ưu điểm như thủ tục giải quyết dân chủ, đơn giản, linh hoạt, xét xử nhanh chóng, đảm bảo bí mật, phán quyết tin cậy...thực tiễn đã và đang chứng minh điều đó, trọng tài ngày càng phổ biến và trở thành phương thức giải quyết tranh chấp chủ yếu trong thương mại quốc tế, được các chuyên gia kinh tế đánh giá là phương thức giải quyết tranh chấp trong tương lai với nhiều ưu điểm nổi trội.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại

2.1.1. *Thực trạng pháp luật quy định về thẩm quyền của Trọng tài thương mại*

2.1.1.1. Các trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Tranh chấp có thể giải quyết bằng trọng tài là các tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại, hoặc các tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên hoạt động thương mại, hoặc tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài. Nếu các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối giải quyết.

2.1.1.2. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Để có thể được giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, các bên phải có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Thỏa thuận này có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp.

Thứ nhất, tranh chấp giữa các bên phải là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại. Theo quy định tại điều 2 Luật Trọng tài thương mại 2010, thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài là tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; hoặc các tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài. Như vậy, chỉ các tranh chấp xảy ra trong các trường hợp nêu trên mới thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài thương mại.

Thứ hai, giữa các bên tranh chấp phải có thỏa thuận trọng tài. Theo quy định tại khoản 1 điều 5 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định: “Tranh chấp được

giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp”. Do đó có thể thấy, điều kiện để một vụ tranh chấp được giải quyết bằng hình thức trọng tài thương mại chính là sự thỏa thuận của các bên, trọng tài thương mại chỉ có thể giải quyết các tranh chấp thương mại nếu các bên có tranh chấp thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận này không thuộc vào các trường hợp vô hiệu theo quy định tại điều 18 Luật Trọng tài thương mại 2010.

2.1.1.3. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Trọng tài viên phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, tôn trọng thỏa thuận của các bên trừ khi thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.

Thỏa thuận trọng tài là thỏa thuận giữa các bên về việc giải quyết bằng trọng tài các vụ tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh trong hoạt động thương mại. Như vậy các bên có thể có thỏa thuận trọng tài trước khi có tranh chấp hoặc sau khi có tranh chấp. Khác với việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án, khi có tranh chấp phát sinh, bên có quyền và lợi ích hợp pháp bị vi phạm có quyền đệ đơn yêu cầu Trung tâm trọng tài có thẩm quyền giải quyết mà không cần có sự thỏa thuận trước, việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đòi hỏi phải có sự thỏa thuận của các bên. Nguyên tắc chung là “không có thỏa thuận giải quyết bằng phương thức trọng tài không có tổ tụng trọng tài”. Điều đó có nghĩa rằng, trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp khi được các bên chọn bằng một thỏa thuận trọng tài. Nói cách khác thỏa thuận trọng tài là căn cứ để áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài. Nguyên tắc này xuất phát từ quyền tự do kinh doanh với tư cách là quyền cơ bản của công dân trong nền kinh tế thị trường, trong đó bao gồm cả quyền lựa chọn phương thức giải quyết khi tranh chấp phát sinh. Nguyên tắc này còn được thể hiện rõ nhất trong quá trình tổ tụng trọng tài, đó là việc các bên thỏa thuận chọn địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, thời gian trọng tài...

Thứ hai, độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật.

Sự độc lập của trọng tài viên thể hiện ở việc trọng tài viên không có lợi ích trực tiếp hoặc lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp, không chịu sự chi phối của bất kỳ cơ quan, tổ chức cá nhân nào khi giải quyết tranh chấp. Sự khách quan được đảm bảo khi trọng tài viên thực hiện đúng vai trò của người thứ ba phân xử đúng sai dựa trên những chứng cứ tài liệu, tình tiết của vụ việc và ra quyết định theo quy định của pháp luật. Không thể coi trọng tài viên đã vô tư trong khi làm nhiệm vụ nếu họ có quyền lợi liên quan đến vụ tranh chấp, hay người thân thích của họ là một trong các bên tranh chấp...Nếu có căn cứ cho rằng trọng tài viên có thể hoặc không độc lập, vô tư khi thực hiện nhiệm vụ thì trọng tài viên đó có thể bị thay thế. Thậm chí khi quyết định trọng tài có hiệu lực, nếu có căn cứ chứng tỏ trọng tài viên đã vi phạm nguyên tắc này thì quyết định trọng tài sẽ bị Trung tâm trọng tài tuyên hủy.

Do vị trí quan trọng của các trọng tài viên trong quá trình giải quyết tranh chấp, một số tổ chức trọng tài còn yêu cầu các trọng tài viên xác nhận bằng văn bản rằng họ độc lập với các bên tranh chấp. Đây là vấn đề mà Trung tâm trọng tài trọng tài quốc tế thuộc phòng thương mại quốc tế ICC rất quan tâm. Tuy nhiên, ngoài việc độc lập, khách quan, vô tư, căn cứ vào pháp luật để giải quyết tranh chấp thì trọng tài viên còn cần phải tôn trọng sự thỏa thuận của các bên.

Thứ ba, đảm bảo là các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Quyền bình đẳng trước pháp luật là quyền cơ bản của công dân đã được ghi nhận trong Hiến Pháp. Quyền này đã được cụ thể hoá trong nhiều văn bản pháp luật. Việc cụ thể hoá quyền bình đẳng trước pháp luật trong tổ tụng kinh tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì nó còn thể hiện sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Khi các doanh nghiệp, người tham gia tổ tụng thì không phân biệt đó là doanh nghiệp Nhà nước, công ty, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân... Các bên đều có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tổ tụng. Tuy nhiên trong thực tế không phải lúc nào đương sự cũng thực hiện được quyền này, nhiều trường hợp do trình độ hiểu biết của đương sự dẫn đến họ không thực hiện được hết quyền của mình, như: vấn đề khởi kiện, cung cấp chứng cứ hay bào chữa trước toà án... dẫn

đến chịu phán quyết bất lợi cho họ hoặc có trường hợp xuất phát ngay từ việc vi phạm trong quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án hoặc quy định của pháp luật chưa phù hợp dẫn đến bất bình đẳng cho các đương sự. Đây là vấn đề lớn, để khắc phục phải tiến hành đồng bộ từ giai đoạn xây dựng pháp luật, cải cách cơ cấu tổ chức của Tòa án, nâng cao trình độ của các TTV và trình độ hiểu biết và tuân thủ pháp luật của các cá nhân, tổ chức hoạt động trong vấn đề kinh doanh.

Thứ tư, việc giải quyết tranh chấp được tiến hành không công khai, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Nguyên tắc này xuất phát từ tính đặc thù của hoạt động kinh doanh. Trong mọi trường tự do cạnh tranh, việc bảo vệ các bí mật trong sản xuất kinh doanh và giữ uy tín cho các doanh nghiệp trên thương trường là một trong những vấn đề sống còn của các nhà kinh doanh, góp phần tạo ra sức mạnh cho các doanh nghiệp có thể dành thắng lợi trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt để tồn tại và phát triển. Vì vậy, nếu quá trình tham gia kinh doanh mà phát sinh tranh chấp các nhà kinh doanh đều muốn tiến hành việc giải quyết kinh doanh một cách kín đáo không ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp, uy tín của các nhà kinh doanh mà vẫn đảm bảo giữ được bí mật kinh doanh của mình. Do đó, nguyên tắc xét xử công khai trong giải quyết kinh doanh không chỉ được quy định cụ thể mà còn được cụ thể hóa trong hầu hết các Quy tắc tố tụng của các trung tâm trọng tài.

Theo quy định này, các buổi xét xử trọng tài chỉ gồm các trọng tài viên, các đương sự và những người liên quan đến vụ tranh chấp. Những người không có trách nhiệm hoặc không liên quan đến vụ tranh chấp không được có mặt. Trọng tài viên có nghĩa vụ giữ bí mật nội dung tranh chấp mà mình biết đồng thời có quyền: từ chối cung cấp các thông tin liên quan đến vụ tranh chấp. Quyết định trọng tài cũng như các căn cứ để trọng tài ra phán quyết sẽ không được công bố công khai nếu các bên đương sự không có yêu cầu.

Có thể nói, đây là nguyên tắc có ưu thế nổi bật của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài so với tòa án. Nếu như ở trọng tài nguyên tắc xét xử kín bảo đảm tối đa cho các bên đương sự giữ được uy tín, bí mật kinh doanh của mình

thì Trung tâm trọng tài lại có nguyên tắc ngược lại – nguyên tắc “xét xử công khai”. Phải chăng cũng nhờ nguyên tắc này mà các thương nhân thường lựa chọn phương thức trọng tài chứ không phải Trung tâm trọng tài mặc dù giải quyết ở Trung tâm trọng tài có những ưu điểm, thuận lợi mà trọng tài không có.

Thứ năm, phán quyết trọng tài là chung thẩm

Theo đó, nội dung cơ bản của nguyên tắc này là khi Hội đồng trọng tài công bố quyết định trọng tài, quyết định trọng tài có hiệu lực thi hành ngay, các bên không có quyền kháng cáo, cũng như không tổ chức nào có quyền kháng nghị. Khi xem xét yêu cầu hủy quyết định trọng tài, Trung tâm trọng tài cũng không có quyền xét lại. Nguyên tắc này có nguồn gốc từ bản chất của tổ tụng trọng tài là nhân danh ý chí tối cao và quyền tự định đoạt của các đương sự. Các đương sự đã tín nhiệm và lựa chọn người phán quyết, do vậy họ phải thực hiện phán quyết mà người này đưa ra. Hơn nữa, bản chất của tổ tụng trọng tài là tổ tụng một cấp, do vậy, nếu một bên không tự nguyện thi hành thì bên kia có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giúp đỡ.

2.1.1.4. Các yêu cầu đối với thỏa thuận trọng tài

Để có thể giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, các thỏa thuận trọng tài giữa các bên phải đảm bảo các yêu cầu sau là được xác lập dưới hình thức điều khoản trọng tài trong [hợp đồng](#) hoặc trong thỏa thuận riêng, được xác lập dưới dạng văn bản.

- | | |
|--|--|
| | Thỏa thuận trọng tài vô hiệu trong các trường hợp sau: |
| tài. | <ul style="list-style-type: none"> - Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của Trọng - Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền. Người không có |
| thẩm quyền là không phải là người đại diện theo pháp luật hoặc không phải là người được ủy quyền hợp pháp hoặc là người được ủy quyền hợp pháp nhưng vượt quá phạm vi được ủy quyền. | |
| | - Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự |

- Hình thức của thỏa thuận trọng tài không phù hợp
- Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó là vô hiệu.
- Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật.

2.1.1.5. Thủ tục tổ tụng trọng tài và luật áp dụng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Thủ tục tổ tụng trọng tài do các bên thỏa thuận hoặc áp dụng theo quy tắc tổ tụng của trung tâm trọng tài.

Luật áp dụng đối với giải quyết tranh chấp bằng trọng tài:

- Đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp.
- Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn; nếu không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng trọng tài cho là phù hợp nhất.
- Trường hợp pháp luật Việt Nam, pháp luật do các bên lựa chọn không có quy định cụ thể liên quan đến nội dung tranh chấp thì Hội đồng trọng tài được áp dụng tập quán quốc tế để giải quyết tranh chấp nếu việc áp dụng hoặc hậu quả của việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

2.1.1.6. Phán quyết trọng tài trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Để có được phán quyết trọng tài thì Hội đồng trọng tài biểu quyết theo nguyên tắc đa số. Trường hợp biểu quyết không đạt được đa số thì Chủ tịch Hội đồng trọng tài quyết định. Phán quyết trọng tài có giá trị chung thẩm, có hiệu lực từ ngày ban hành và không bị kháng cáo.

Về thi hành phán quyết thì các bên tự nguyện thi hành phán quyết. Nếu hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài thì bên được thi hành phán quyết trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có

thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài. Bên được thi hành có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài sau khi phán quyết được đăng ký.

2.1.1.7. Hủy phán quyết trọng tài giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Phán quyết trọng tài có thể hủy khi có đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của một bên hoặc khi thuộc trường hợp bị hủy phán quyết: (i) Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu; (ii) Thành phần Hội đồng trọng tài, [thủ tục tổ tụng trọng tài](#) không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật này; (iii) Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài; trường hợp phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài thì nội dung đó bị hủy; (iv) Chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; Trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài; (v) Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; (vi) Bên yêu cầu hủy phán quyết có nghĩa vụ chứng minh (trường hợp 1,2,3,4); Nếu thuộc trường hợp (5) Trung tâm trọng tài có nghĩa vụ chứng minh.

Quyền yêu cầu hủy phán quyết được thực hiện khi các bên tranh chấp có quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được phán quyết. Trường hợp gửi đơn quá hạn vì sự kiện bất khả kháng thì thời gian có sự kiện bất khả kháng không được tính vào thời hạn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

Thủ tục hủy phán kết trọng tài:

Bước 1: Nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài

Bước 2: Trung tâm trọng tài xem xét và thụ lý đơn yêu cầu; thành lập Hội đồng xét đơn yêu cầu

Bước 3: Mở phiên họp để xét đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài

2.1.1.8. Ưu điểm của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

- Thủ tục linh hoạt, đơn giản, các bên có thể chủ động về thời gian và địa điểm giải quyết tranh chấp tùy vào từng trung tâm trọng tài. Có thể hiểu lựa chọn hình thức này để quá trình giải quyết tranh chấp. Đồng thời, hình thức này sẽ đảm bảo bí mật hơn so với Tòa án

- Các bên có thể lựa chọn trọng tài viên giải quyết nên có thể lựa chọn được các chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tế. Phán quyết của trọng tài là phán quyết chung thẩm và không bị kháng cáo. Đồng thời, tính cưỡng chế thi hành.

2.1.1.9. Hạn chế của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

- Chi phí trọng tài thường cao hơn tòa án
- Hai bên nhất thiết phải có thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và có thể thực hiện được.
- Tính cưỡng chế thi hành của trọng tài thường không cao bằng Tòa án.
- Phán quyết trọng tài là chung thẩm nên trường hợp trọng tài ra phán quyết không chính xác sẽ gây khó khăn và thiệt hại cho các bên, sau đó có thể đề nghị hủy phán quyết nhưng gây mất thời gian, công sức hơn.

2.1.2. Thffic trạng pháp luật quy định về trình tffi thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại

Hiện nay, trình tự thủ tục khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài được quy định cụ thể tại Luật Trọng tài thương mại Việt Nam 2010.

Khi đã có đủ các điều kiện để giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại như có thỏa thuận trọng tài có hiệu lực... thì các bên thực hiện các bước theo trình tự tổ tụng trọng tài. Điều này thể hiện bằng biểu đồ sau:



B ư 3615 :::: ỏ ò
ớ cc 4 TH a

2 H đ h r h ả ứ n àni c n
k iơ ở
g h
Đ

T c :i ô i B pi u i
ọ hi
p
ả

N g ạ ô è i đ

(đ h u o h n e ê t n p

q T p t h à i o ọ u

g i y â

8

ộ ồ n g i h t

k

5

ế

n

L

rvn r T a pn àg á

đtT aà ptn h h

ộồ T Mi



c n ấ0 0

h 2 p1

)

qb ệ ẩ u n y ế gt t à i ir ọ n t ự b ả o v ệ

Bước 1: Nộp đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo

Trường hợp giải quyết tranh chấp tại Trung tâm trọng tài, nguyên đơn phải làm đơn khởi kiện gửi đến Trung tâm trọng tài. Trường hợp vụ tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài vụ việc, nguyên đơn phải làm đơn khởi kiện và gửi cho bị đơn.

Đơn khởi kiện gồm có các nội dung sau đây:

- Ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện;
- Tên, địa chỉ của các bên; tên, địa chỉ của người làm chứng, nếu có;
- Tóm tắt nội dung vụ tranh chấp;
- Cơ sở và chứng cứ khởi kiện, nếu có;
- Các yêu cầu cụ thể của nguyên đơn và giá trị vụ tranh chấp;



e) Tên, địa chỉ người được nguyên đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc đề nghị chỉ định Trọng tài viên.

Kèm theo đơn khởi kiện, phải có thỏa thuận trọng tài, bản chính hoặc bản sao các tài liệu có liên quan.

Bước 2: Bị đơn nộp bản tự bảo vệ (Theo Điều 35 Luật TTTM 2010)

Đối với vụ tranh chấp được giải quyết tại Trung tâm trọng tài, nếu các bên không có thoả thuận khác hoặc quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài không có quy định khác, thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, bị đơn phải gửi cho Trung tâm trọng tài bản tự bảo vệ. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, thời hạn này có thể được Trung tâm trọng tài gia hạn căn cứ vào tình tiết cụ thể của vụ việc.

Đối với vụ tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài vụ việc, nếu các bên không có thoả thuận khác, thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu kèm theo, bị đơn phải gửi cho nguyên đơn và Trọng tài viên bản tự bảo vệ, tên và địa chỉ của người mà mình chọn làm Trọng tài viên.

Bước 3: Thành lập hội đồng trọng tài

Thành phần Hội đồng trọng tài (Theo Điều 39 Luật TTTM 2010)

Thành phần Hội đồng trọng tài có thể bao gồm một hoặc nhiều Trọng tài viên theo sự thoả thuận của các bên.

Trường hợp các bên không có thoả thuận về số lượng Trọng tài viên thì Hội đồng trọng tài bao gồm ba Trọng tài viên.

Bước 4: Hòa giải (Theo Điều 58 Luật TTTM 2010)

Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải để các bên thoả thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Khi các bên thoả thuận được với nhau về việc giải quyết trong vụ tranh chấp thì Hội đồng trọng tài lập biên bản hoà giải thành có chữ ký của các bên và xác nhận của các Trọng tài viên. Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên. Quyết định này là chung thẩm và có giá trị như phán quyết trọng tài.

Bước 5: Tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp (Theo Điều 55 Luật TTTM 2010)

Phiên họp giải quyết tranh chấp được tiến hành không công khai, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Các bên có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người đại diện tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp; có quyền mời người làm chứng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trong trường hợp có sự đồng ý của các bên, Hội đồng trọng tài có thể cho phép những người khác tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp.

Trình tự, thủ tục tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp do quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài quy định; đối với Trọng tài vụ việc do các bên thỏa thuận.

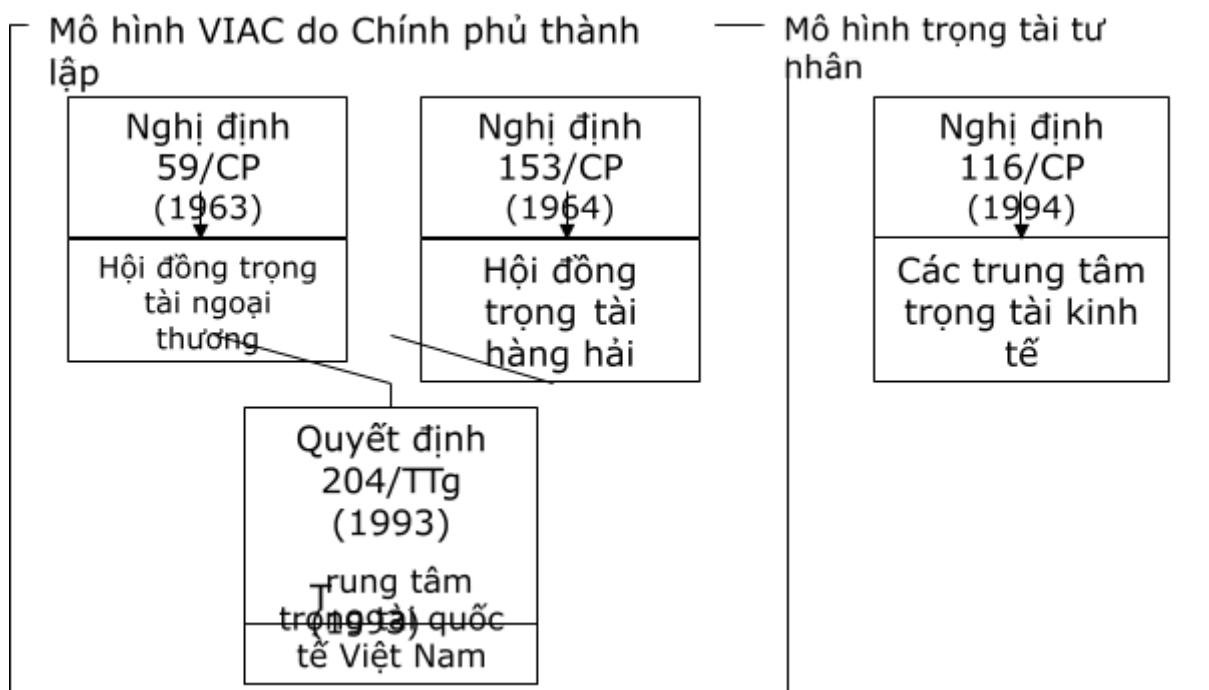
Bước 6: Hội đồng trọng tài ra phán quyết

Hội đồng trọng tài ra phán quyết trọng tài bằng cách biểu quyết theo nguyên tắc đa số. Trường hợp biểu quyết không đạt được đa số thì phán quyết trọng tài được lập theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng trọng tài. (Theo Điều 60 Luật TTTM 2010)

2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại

2.2.1. *Tình hình tranh chấp hợp đồng tín dụng được giải quyết tại các trung tâm trọng tài thương mại*

Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) được thành lập theo Quyết định số 204/TTg ngày 28 tháng 4 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trên cơ sở hợp nhất Hội đồng Trọng tài Ngoại thương (thành lập năm 1963) và Hội đồng Trọng tài Hàng hải (thành lập năm 1964).



Sơ đồ 2.1: Mô hình trọng tài thương mại⁴

Trải qua trên 50 năm hoạt động trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp thương mại, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) đã giải quyết hàng nghìn vụ tranh chấp liên quan đến tất cả lĩnh vực thương mại như mua bán hàng hóa, vận tải, bảo hiểm, xây dựng, tài chính, ngân hàng, đầu tư,... với các bên tranh chấp đến từ 60 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. VIAC không ngừng lớn mạnh, phát triển, đem lại niềm tin và là chỗ dựa về công lý của cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước.

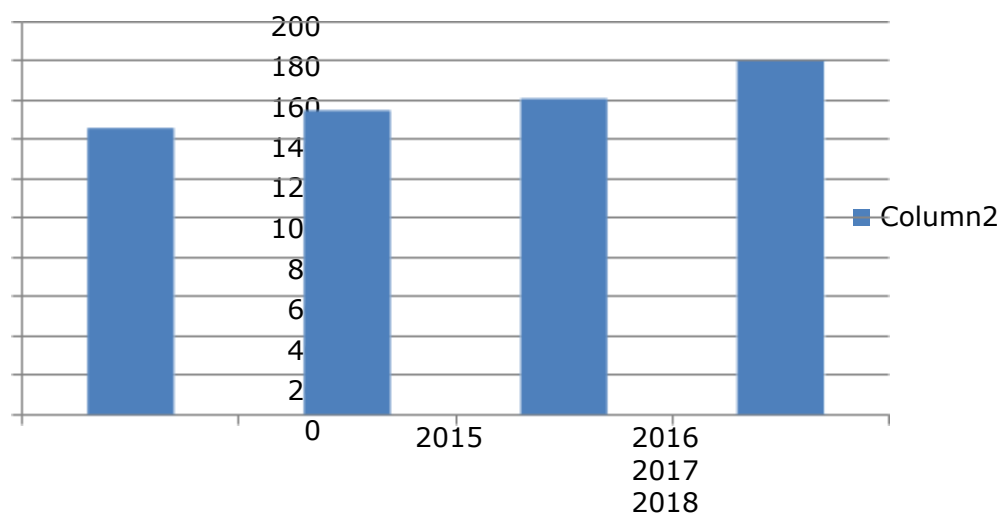
Là tổ chức độc lập, với tôn chỉ thân thiện, minh bạch và hiệu quả, VIAC đã xây dựng được một quy trình giải quyết tranh chấp đáp ứng tối đa quyền tự do thỏa thuận của các bên. Ngoài ra, khi tham gia giải quyết tranh chấp tại VIAC, các bên luôn được đảm bảo quá trình tố tụng minh bạch và bảo mật. VIAC có đội ngũ Trọng tài viên là các chuyên gia có uy tín cao về chuyên môn trong các lĩnh vực thương mại. Các Trọng tài viên hoạt động một cách độc lập, vô tư, khách quan và tuân thủ pháp luật cũng như thông lệ quốc tế.

⁴<http://www.viac.vn/thong-ke>

Phán quyết trọng tài của VIAC không chỉ được thi hành thuận lợi tại Việt Nam mà còn được công nhận và thi hành tại trên 150 quốc gia, vùng lãnh thổ là thành viên Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Trong những năm gần đây việc sử dụng trọng tài để giải quyết các tranh chấp thương mại ngày càng phổ biến tại Việt Nam, thể hiện không chỉ qua số lượng các vụ tranh chấp được giải quyết mà còn qua sự đa dạng của các lĩnh vực tranh chấp.

Bảng 2.1. Thống kê tình hình giải quyết tranh chấp tại VIAC 2015 - 2018¹:

STT	2015	2016	2017	2018
Số vụ việc thụ lý giải quyết tranh chấp	146	155	161	180



Biểu đồ 2.1. Thống kê tình hình giải quyết tranh chấp tại VIAC 2016 - 2018¹:

“Năm 2018 là một năm vô cùng bận rộn với 150% nỗ lực của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (28/04/1993-28/04/2018). Thống kê số lượng vụ tranh chấp mới được thụ lý và giải quyết tại VIAC trong năm 2018 ghi nhận 180 vụ tranh

chấp - con số cao nhất trong 25 năm hoạt động với tổng giá trị tranh chấp ở mức ~9,5 nghìn tỷ đồng (~ 407 triệu USD) và vụ tranh chấp lớn nhất với giá trị tranh chấp ở mức ~3,3 nghìn tỷ đồng (~145,2 triệu USD).

Năm 2018 cũng là năm của hòa giải thương mại khi VIAC tiếp tục là tổ chức tiên phong trong lĩnh vực này với việc ra mắt Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) thuộc VIAC – tương tự như cơ hội và sự tin tưởng chúng tôi được trao khi đi những bước đầu tiên trong lĩnh vực trọng tài thương mại cách đây 25 năm. VMC là đơn vị đầu tiên cung cấp dịch vụ hòa giải thương mại theo Nghị định 22/2017/ ND-CP cho các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Với sự hỗ trợ quý giá của Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới, Quy tắc Hòa giải của VMC, được công bố và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2018, đã phản ánh hầu hết các nguyên tắc tại Luật mẫu của UNCITRAL về Hòa giải thương mại và tuyệt đối tuân thủ các quy định của Nghị định 22/2017/ ND-CP để đảm bảo các *Văn bản về kết quả hòa giải thành*- kết quả của quá trình hòa giải tại VMC có thể được công nhận hiệu lực cưỡng chế thi hành tại Trung tâm trọng tài một cách thuận lợi theo các quy định của Chương 33 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự Việt Nam 2015.” Đây là một trong những kết quả quan trọng trong quá trình thực hiện hoạt động giải quyết tranh chấp về TTTT ở nước ta hiện nay⁵.

2.2.2. Thffic trạng áp dụng pháp luật nội dung

Pháp luật Việt Nam đã có những quy định ngày càng cụ thể và đầy đủ về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng trọng tài, đặc biệt là Ủy ban thường vụ quốc hội đã ban hành Luật trọng tài thương mại 2010 thay thế cho Luật Trọng tài thương mại Trọng tài thương mại năm 2003, và những văn bản quản lý nhà nước về trọng tài trước đó đã ban hành. Về thực tiễn áp dụng pháp luật về nội dung đã đạt được những kết quả như sau:

5Xem số liệu thống kê của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam tại:

<http://www.viac.vn/thong-ke/thong-ke-tinh-hinh-giai-quyet-tranh-chap-tai-viac-nam-2018-a1577.html>

Một là, hệ thống pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại của Việt Nam đã tương đối hoàn thiện

Các văn bản pháp luật điều chỉnh về lĩnh vực giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng trong đó có hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện cơ bản hệ thống pháp luật Việt Nam. Vì thế việc xây dựng hệ thống văn bản pháp luật về hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại là việc làm cần thiết. Pháp luật Việt Nam quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại được thể hiện trong các văn bản, cụ thể: Hiến pháp 2013; Hơn thế nữa, cùng với Luật Trọng tài thương mại là các văn bản hướng dẫn thi hành như: Nghị định 63/2011/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại; Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật trọng tài thương mại; Thông tư 12/2012/TT-BTP Ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại và một số văn bản hướng dẫn là kết quả của việc làm này. Đây thực sự là sự cố gắng lớn lao của các cơ quan, đơn vị trong quá trình áp dụng những quy định của WTO về TTTM vào hoàn cảnh thực tiễn ở Việt Nam. Góp phần hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật về kinh tế của Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa.

Hai là, cơ chế quản lý và thực thi pháp luật về TTTM đã có những cải tiến tích cực cho quá trình áp dụng trong thực tế. Ngoài ra, việc tuyên truyền pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nói chung và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại ở nước ta đã được phổ biến đến tận từng các nhân, tổ chức trong và ngoài nước góp phần đưa pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại đưa vào áp dụng một cách có hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, nhằm hoàn thiện về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại nói riêng thì các cơ quan chức năng đã tổ chức lấy ý kiến thông qua những buổi tọa đàm về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại. Thông qua đó đã phân nào đã chỉ ra những khó khăn, hạn chế của pháp luật về

giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, về mô hình, cơ cấu tổ chức của trọng tài, phù hợp với thực tiễn của nhiều nước trên thế giới, Luật Trọng tài thương mại thừa nhận hai hình thức trọng tài gồm các trung tâm trọng tài hay còn gọi là trọng tài thường trực hoặc tổ chức trọng tài và trọng tài vụ việc hay còn gọi là trọng tài adhoc đã phát huy được trên cơ sở của Pháp lệnh trọng tài 2003.

Bốn là, Luật Trọng tài thương mại đã xác định rõ những nguyên tắc quan trọng nhất của tổ tụng trọng tài. Đó là nguyên tắc tôn trọng sự tự định đoạt và bình đẳng của các bên tranh chấp. Trong quá trình tổ tụng trọng tài, các bên được tự do lựa chọn hình thức trọng tài, tự do thoả thuận về cách thức chỉ định trọng tài viên, thay đổi trọng tài viên, địa điểm trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng để giải quyết vụ tranh chấp v.v. Bên cạnh đó là các nguyên tắc độc lập của Trọng tài viên trong quá trình giải quyết tranh chấp; nguyên tắc giữ bí mật thông tin về tranh chấp và giải quyết tranh chấp v.v. Đây là những nguyên tắc phổ biến đã được Luật Mẫu UNCITRAL xác định và được sự thừa nhận chung trong hoạt động của Trọng tài trên thế giới.

Năm là, Luật Trọng tài thương mại đã quy định sự hỗ trợ của Nhà nước mà cụ thể là của Toà án đối với trọng tài bằng một loạt các quy định từ việc xác định hiệu lực pháp lý của thoả thuận trọng tài, chỉ định trọng tài viên, giải quyết khiếu nại về thẩm quyền của hội đồng trọng tài, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giải quyết yêu cầu huỷ quyết định trọng tài và lưu trữ hồ sơ trọng tài. Đây là vấn đề quan trọng được cộng đồng doanh nghiệp quan tâm và mong đợi nhất. Với việc ban hành một loạt các quy định trong đó xác lập vai trò của Trung tâm trọng tài đối với trọng tài, Luật Trọng tài thương mại đã lấp đầy “khoảng trống” của hệ thống pháp luật trọng tài trước đây. Điều này sẽ góp phần làm tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của trọng tài, đồng thời sẽ góp phần thúc đẩy trọng tài phát triển. Có thể gọi đây là một sự tiếp sức cho Trọng tài, thể hiện quan điểm của Nhà nước trong việc đa dạng hoá phương thức giải quyết tranh chấp và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho

các chủ thể kinh doanh được sự bảo hộ của Nhà nước về mặt pháp lý trong quá trình thực hiện các giao dịch thương mại.

Sáu là, chủ động hơn trong việc bảo vệ quyền lợi của các chủ thể thông qua các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp về HĐTD bằng hình thức TTTM

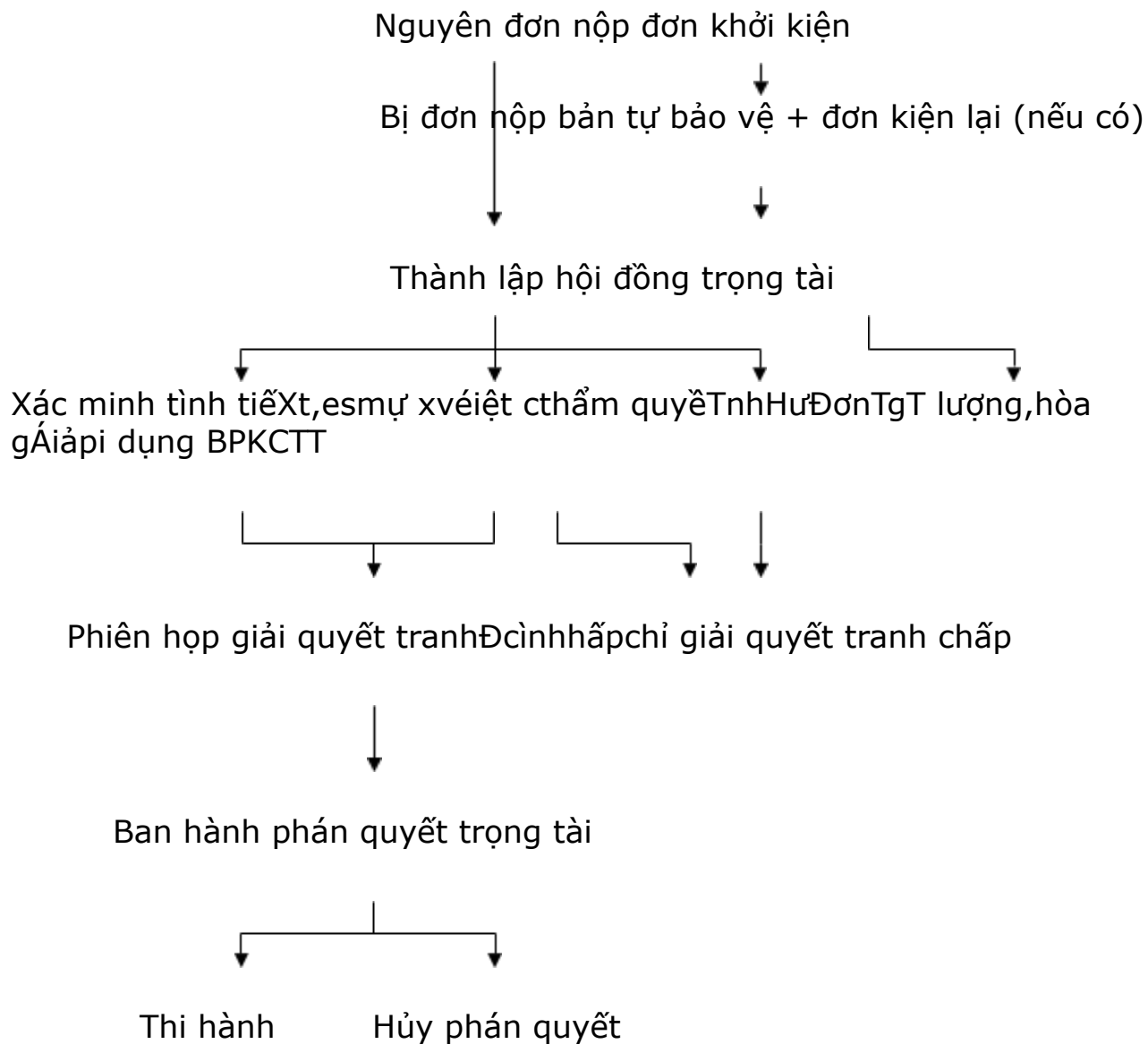
Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại đã và đang trở thành một công cụ quan trọng nhằm điều chỉnh HĐTD bằng hình thức TTTM của các chủ thể. Pháp luật đã quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp về HĐTD bằng hình thức TTTM. Cơ chế giải quyết tranh về HĐTD bằng hình thức TTTM được tuân thủ các quy định. Như vậy có thể thấy số vụ tranh chấp được giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ngày càng gia tăng, điều đó thể hiện những tín hiệu rất khả quan của trọng tài quốc tế Việt Nam. Nhìn vào tiềm năng thì có thể thấy trọng tài Việt Nam còn nhiều cơ hội để phát triển, nhưng thực tế thì trọng tài thương mại quốc tế Việt Nam phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của nó.

2.2.3. Thffic trạng áp dụng pháp luật tổ tụng

Quy trình thực hiện áp dụng tổ tụng trọng tài được thực hiện như sau

Biểu đồ. Quy trình tổ tụng trọng tài

Trình tự giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại như sau:



Sơ đồ 2.2: Trình tự giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

Trình tự thủ tục giải quyết cụ thể:

1. Nguyên đơn nộp Đơn kiện, chỉ định trọng tài viên và nộp phí trọng tài: Đơn kiện bao gồm ngày, tháng; tên và địa chỉ của các bên; tóm tắt nội dung vụ tranh chấp; căn cứ pháp lý để khởi kiện; trị giá của vụ tranh chấp và các yêu cầu khác của Nguyên đơn; tên trọng tài viên mà Nguyên đơn chọn. Khi nộp Đơn kiện, Nguyên đơn phải đồng thời nộp phí trọng tài. Nguyên đơn có thể sửa đổi, bổ sung hoặc rút Đơn kiện trước khi Hội đồng Trọng tài ra Quyết định Trọng tài.

2. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam. Trọng tài kiểm tra sơ bộ về vấn đề

thẩm quyền, thụ lý Đơn kiện và gửi thông báo cho Bị đơn.

3. Bị đơn nộp Bản Tự bảo vệ và chỉ định trọng tài viên. Bản tự bảo vệ gồm ngày tháng; tên và địa chỉ của Bị đơn; căn cứ pháp lý để tự bảo vệ; kiến nghị cụ thể của Bị đơn; tên trọng tài viên mà Bị đơn chọn. Ngoài ra, Bị đơn có thể nộp Đơn kiện lại hoặc đưa ra phản đối về vấn đề thẩm quyền. Trong trường hợp có Đơn kiện lại, Bị đơn có thể sửa đổi, bổ sung hoặc rút Đơn kiện lại trước khi Hội đồng Trọng tài ra Quyết định Trọng tài. Việc Bị đơn không nộp Bản tự bảo vệ sẽ không ngăn cản Trọng tài tiếp tục quá trình tổ tụng trọng tài. Nếu Bị đơn không nộp Bản tự bảo vệ, hoặc Bản tự bảo vệ không đề cập đến việc chỉ định trọng tài viên, Chủ tịch Trọng tài sẽ chỉ định trọng tài viên cho Bị đơn.

4. Hội đồng Trọng tài: Chủ tịch Hội đồng Trọng tài sẽ được hai Trọng tài viên của Nguyên đơn và Bị đơn bầu hoặc do Chủ tịch Trọng tài chỉ định.

5. Hội đồng Trọng tài xem xét giải quyết vụ tranh chấp. Hội đồng Trọng tài quyết định cách thức tiến hành tố tụng trên cơ sở thỏa thuận trọng tài và Quy tắc tố tụng của Trọng tài. Tuy nhiên, Hội đồng Trọng tài cũng xem xét yêu cầu của các Bên. Hội đồng Trọng tài nghiên cứu hồ sơ, có quyền xác minh sự việc, gặp các bên để nghe các bên trình bày ý kiến, yêu cầu các bên bổ sung chứng cứ.

6. Hội đồng Trọng tài triệu tập các Bên đến phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Thời gian mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp do Chủ tịch Hội đồng Trọng tài quyết định, nếu các bên không có thỏa thuận khác. Nếu các bên không tham dự họp giải quyết vụ tranh chấp mà không có lý do chính đáng, Hội đồng Trọng tài vẫn có thể quyết định tiếp tục phiên họp và công bố Quyết định Trọng tài.

7. Công bố Quyết định Trọng tài. Quyết định Trọng tài được công bố sẽ có giá trị chung thẩm và ràng buộc đối với các Bên

Tranh chấp tín dụng là dạng tranh chấp có giá trị lớn, các bên mâu thuẫn hết sức gay gắt. Do đó, trong thực tế thì nếu giải quyết TCHĐTD bằng con đường Trung tâm trọng tài thì việc Trung tâm trọng tài quyết định chấp nhận cho phía nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý và kháng cáo, ngược lại Trung tâm trọng tài

không chấp nhận cho nguyên đơn thì nguyên đơn tiếp tục yêu cầu Trung tâm trọng tài cấp trên giải quyết. Từ đó sẽ cho thấy sự phức tạp của hoạt động giải quyết TCHĐTD bằng con đường tư pháp. Tuy nhiên, xuất phát từ tính chất chung thẩm của TTTM thì quá trình giải quyết sẽ bớt thời gian, công sức của các bên, đảm bảo được tính chất bí mật kinh doanh trên thực tế.

Thực hiện chức năng giải quyết TCHĐTD của TTTM trong thời gian qua cơ bản tuân thủ các nguyên tắc và trình tự thủ tục do pháp luật quy định, việc xác định giải quyết đảm bảo theo quy định về TTTM theo sự lựa chọn của đương sự, quyền nghĩa vụ của các bên được đảm bảo thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tranh chấp cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp cũng còn một số tồn tại cả về mặt chủ quan và khách quan, như do một số TTV còn yếu về năng lực và kinh nghiệm nên không nắm được hết các quy định của pháp luật dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa chính xác, một số vụ án do pháp luật quy định thiếu cụ thể nên việc áp dụng pháp luật chưa có sự thống nhất đã ảnh hưởng quyền lợi của đương sự, một số đương sự chưa chấp hành các nghĩa vụ của mình trong quá trình TTTM giải quyết vụ án do chưa nhận thức đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác về tranh chấp và giải quyết tranh chấp tín dụng, sự thiếu hợp tác giữa các cơ quan có liên quan về việc TTTM yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc giải quyết tranh chấp nên cũng gây khó khăn cho TTV giải quyết vụ án và cũng là nguyên nhân làm cho vụ án bị kéo dài thời hạn giải quyết.

2.2.4. Một số tranh chấp HĐTD điển hình được giải quyết bằng trọng tài thương mại

Thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp tín dụng bằng trọng tài thực chất là tranh chấp hợp đồng vay. Bên cạnh đó, tranh chấp về biện pháp bảo đảm hợp đồng tín dụng hoàn toàn có thể được giải quyết tại trọng tài nếu các bên thỏa thuận chọn Trọng tài. Trong hợp đồng vay tín dụng, bên cho vay là Ngân hàng có hoạt động thương mại nên tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài.

Cụ thể, theo khoản 2 Điều 2 Luật trọng tài thương mại năm 2010, “*Thẩm*

quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài: Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại”.

Do đó, tranh chấp về hợp đồng tín dụng hoàn toàn có thể được giải quyết tại trọng tài nếu các bên thỏa thuận chọn Trọng tài. Trong thực tiễn thì tranh chấp hợp đồng bảo đảm. Phần trên đã cho thấy tranh chấp về biện pháp bảo đảm cho hợp đồng tín dụng thường tập trung vào các biện pháp bảo đảm theo thỏa thuận như bảo lãnh, cầm cố hay thế chấp. Ở tranh chấp này, bên nhận bảo đảm là Ngân hàng và Ngân hàng hoạt động thương mại nên tranh chấp hoàn toàn có thể được giải quyết bằng trọng tài trên cơ sở quy định nêu trên. Thực tế, VIAC đã từng thụ lý, giải quyết tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh cũng hợp đồng bảo đảm bằng tài sản như cầm cố. Do đó, tranh chấp về biện pháp bảo đảm hợp đồng tín dụng hoàn toàn có thể được giải quyết tại trọng tài nếu các bên thỏa thuận chọn Trọng tài. Tranh chấp cả hai loại hợp đồng.

Thực tế đã gặp trường hợp các bên có tranh chấp về biện pháp bảo đảm cũng như hợp đồng vay nhưng cũng gặp trường hợp các bên có tranh chấp về biện pháp bảo đảm mà lại không tranh chấp với nhau về hợp đồng vay tín dụng (tranh chấp này được giải quyết tại Tòa án). Tại trọng tài, các tranh chấp trên hoàn toàn có thể được giải quyết bằng trọng tài. Tuy nhiên, nếu để một trong hai loại tranh chấp trên được giải quyết bằng Trọng tài và tranh chấp còn lại bằng Trung tâm trọng tài sẽ dẫn tới khó khăn trong việc chờ đợi kết quả, không thống nhất trong hướng xử lý.

Do đó, Ngân hàng nên theo hướng thỏa thuận cả tranh chấp vay tín dụng và tranh chấp về biện pháp bảo đảm bằng Trọng tài đã từng giải quyết (trong hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm, bên cho vay và bên vay cũng như bên bảo đảm cùng thỏa thuận chọn TTTT. Hướng này càng trở thành khả thi khi các TTTT ban hành quy tắc mới cho phép gộp các tranh chấp vào cùng một vụ việc.

2.3. Đánh giá chung về giải quyết TCHĐTD bằng hình thức trọng tài

2.3.1. Ưu điểm

Việc giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại, trên cơ sở đó đã đạt được những kết quả quan trọng sau đây:

Một là, thông qua việc áp dụng quy định về giải quyết TCHĐTD bằng hình thức trọng tài với nhiều quy định mới, các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo nên tính linh hoạt và nhanh chóng trong quá trình giải quyết tranh chấp trong thực tế. Thông qua quá trình thực hiện hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài về cơ bản đã thể hiện sự linh hoạt đơn giản hơn so với thủ tục tố tụng tại tòa án. Đây là điều kiện quan trọng cho quá trình thực hiện áp dụng trong thực tiễn hoạt động giải quyết tranh chấp về HĐTD trong thực tế.

Hai là, đối với cơ chế đảm bảo việc ban hành phán quyết của trọng tài thường chính xác, khách quan và có độ tin cậy cao. Vì các bên được quyền tự chọn lựa trọng tài viên, nên các trọng tài viên thường là những chuyên gia giàu kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc về các lĩnh vực chuyên môn. Đồng thời, quyết định của trọng tài dường như không bị chi phối bởi yếu tố chính trị. Vì thế, nó sẽ mang tính khách quan hơn phán quyết của tòa án. Tuy nhiên, đối với việc giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại đã và đang phải đối mặt với vướng mắc trong quá trình thực thi các phán quyết của trọng tài cũng như sự công tâm, khách quan của trọng tài viên trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Ba là, thông qua việc thực hiện hoạt động giải quyết tranh chấp tín dụng bằng hình thức trọng tài sẽ tạo điều kiện cho quá trình thực hiện hoạt động của quá trình giải quyết tranh chấp. Thông qua việc xây dựng khung pháp lý về hoạt động giải quyết TCHĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại. Qua đó, thông qua hoạt động này sẽ góp phần giữ bí mật kinh doanh rất cao tạo điều kiện quan trọng cho quá trình xử lý những mâu thuẫn trong thực tế. Đối với các bên tham gia HĐTD việc giữ bí mật các vụ kiện là rất quan trọng. Bởi bí mật nghề nghiệp, uy tín trên thương trường có ý nghĩa sống còn đối với mỗi doanh nghiệp. Nếu những bí mật này bị tiết lộ, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh trong tương lai của họ. Vì thế, khi tranh chấp xảy ra, mặc nhiên những bí mật đó có thể bị tiết lộ,

nhất là khi giải quyết tại Trung tâm trọng tài bởi nguyên tắc xét xử tại Trung tâm trọng tài là công khai. Khác với nguyên tắc xét xử công khai tại tòa án, trọng tài lại hoạt động theo nguyên tắc xét xử kín, các quyết định của trọng tài không được công khai, nếu không được sự đồng ý của các bên.

Bốn là, với những quy định rõ ràng hơn trước tại Luật Trọng tài thương mại về quyết định của trọng tài có giá trị chung thẩm. Sau khi trọng tài đưa ra phán quyết thì phán quyết đó bắt buộc có hiệu lực thi hành với các bên, các bên không có quyền kháng cáo hay kháng nghị. Ưu điểm này xuất phát từ quyền định đoạt của các bên, từ việc tự do lựa chọn phương thức trọng tài đến lựa chọn trọng tài viên cũng như thủ tục tố tụng

2.3.2. Nhược điểm và nguyên nhân

Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của các trung tâm trọng tài vẫn chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu giải quyết tranh chấp thương mại hiện nay của các doanh nghiệp.

Thứ nhất, giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài mới chỉ dừng lại ở lý thuyết, khi áp dụng vào thực tế còn rất nhiều vướng mắc, nếu không nói là khó thực thi. Thế nên, đến thời điểm này, phần lớn các ngân hàng vẫn phải chọn kênh truyền thống là Trung tâm trọng tài để giải quyết các sự vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Việc giải quyết bằng trọng tài là phù hợp với các tranh chấp hợp đồng tín dụng hiện đại vì về cơ bản các tranh chấp này là không phức tạp. Trong khi đó, ưu thế của phương pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, đó là nhanh, gọn và kín đáo... Trong quá trình xử lý nợ ngân hàng này cũng muốn đưa giải pháp này vào các hợp đồng hợp đồng tín dụng như một công cụ hữu ích cho quá trình xử lý nợ phát sinh trong tương lai. Tuy nhiên, giải pháp trọng tài mới chỉ dừng lại ở lý thuyết, khi áp dụng vào thực tế còn rất nhiều vướng mắc, nếu không nói là khó thực thi. Thế nên, đến thời điểm này, phần lớn các ngân hàng vẫn phải chọn kênh truyền thống là Trung tâm trọng tài để giải quyết các sự vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Thứ hai, nhiều ngân hàng cũng rất muốn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, tuy nhiên, thực trạng quy định luật pháp phải đưa điều khoản trọng tài vào ngay từ đầu khi ký hợp đồng hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm, đến khi có tranh chấp xảy ra, khi đó trọng tài mới có thể tham gia hòa giải. Trong khi, hợp đồng hợp đồng tín dụng được bộ phận pháp chế của từng ngân hàng soạn thảo sẵn, đảm bảo đúng với quy trình NHNN. Hợp đồng tín dụng viên không thể tự ý đưa bất kỳ điều khoản nào vào khi lập hợp đồng hợp đồng tín dụng. Một yếu tố nữa là phí trọng tài cũng cao hơn so với Trung tâm trọng tài nên việc lựa chọn giải pháp trọng tài cũng không thể do một hai người có thể quyết định.

Thứ ba, thực tế, nhận thấy rằng việc giải quyết bằng trọng tài là phù hợp với các tranh chấp hợp đồng tín dụng hiện đại vì về cơ bản các tranh chấp này là không phức tạp. Trong khi đó, ưu thế của phương pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, đó là nhanh, gọn và kín đáo. Điều này rất có ý nghĩa với hoạt động của ngân hàng, đáp ứng được tính bảo mật của khách hàng. Một đặc trưng nữa của việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là phán quyết trọng tài là chung thẩm. Trong khi nếu giải quyết tranh chấp tại tòa án, bản án sơ thẩm có thể bị phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm...Hiện nay, Luật Trọng tài quy định “Hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 của luật này, bên được thi hành phán quyết trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài”.

Thứ tư, thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp tín dụng bằng trọng tài thực chất là tranh chấp hợp đồng vay. Bên cạnh đó, tranh chấp về biện pháp bảo đảm hợp đồng tín dụng hoàn toàn có thể được giải quyết tại trọng tài nếu các bên thỏa thuận chọn Trọng tài. Trong hợp đồng vay tín dụng, bên cho vay là Ngân hàng có hoạt động thương mại nên tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài. Cụ thể, theo khoản 2 Điều 2 Luật trọng tài thương mại năm 2010, “Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài: Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại”. Do đó, tranh chấp về hợp đồng tín dụng

hoàn toàn có thể được giải quyết tại trọng tài nếu các bên thỏa thuận chọn Trọng tài. Trong thực tiễn thì tranh chấp hợp đồng bảo đảm. Phần trên đã cho thấy tranh chấp về biện pháp bảo đảm cho hợp đồng tín dụng thường tập trung vào các biện pháp bảo đảm theo thỏa thuận như bảo lãnh, cầm cố hay thế chấp. Ở tranh chấp này, bên nhận bảo đảm là Ngân hàng và Ngân hàng hoạt động thương mại nên tranh chấp hoàn toàn có thể được giải quyết bằng trọng tài trên cơ sở quy định nêu trên. Thực tế, VIAC đã từng thụ lý, giải quyết tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh cũng hợp đồng bảo đảm bằng tài sản như cầm cố. Do đó, tranh chấp về biện pháp bảo đảm hợp đồng tín dụng hoàn toàn có thể được giải quyết tại trọng tài nếu các bên thỏa thuận chọn Trọng tài. Tranh chấp cả hai loại hợp đồng. Thực tế đã gặp trường hợp các bên có tranh chấp về biện pháp bảo đảm cũng như hợp đồng vay nhưng cũng gặp trường hợp các bên có tranh chấp về biện pháp bảo đảm mà lại không tranh chấp với nhau về hợp đồng vay tín dụng (tranh chấp này được giải quyết tại Tòa án).

Thứ năm, về chủ thể yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì quyền yêu cầu thi hành án thuộc về “đương sự” bao gồm người được thi hành án và người phải thi hành án. Trong khi đó Luật TTTM năm 2010 chỉ quy định bên được thi hành phán quyết có quyền làm đơn yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài. Do đó trong trường hợp bên phải thi hành phán quyết muốn yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài khi bên được thi hành phán quyết chưa yêu cầu thi hành nay pháp luật vẫn chưa có quy định cụ thể.

Thứ sáu, về thời hiệu thi hành phán quyết Trọng tài: Theo pháp luật về thi hành án dân sự (Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 và Điều 4 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật HĐTD) thì thời hiệu yêu cầu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 5 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn. Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kỳ thì thời hạn 5 năm được áp dụng cho từng định kỳ, kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

Theo khoản 5 Điều 61 Luật TTTM thì phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Tuy nhiên, Khoản 2 Điều 66 Luật TTTM năm 2010 lại quy định: Đối với phán quyết của Trọng tài vụ việc, bên được thi hành có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài sau khi phán quyết được đăng ký theo quy định tại Điều 62 của Luật TTTM, và thời hạn đăng ký là 1 năm kể từ ngày ban hành phán quyết. Vấn đề đặt ra là thời hiệu yêu cầu thi hành án được tính bắt đầu từ thời điểm nào là chính xác: kể từ ngày có phán quyết trọng tài hay từ khi phán quyết đó được đăng ký tại tòa án? Có thể thấy, sự không thống nhất giữa các quy định pháp luật nói trên đã khiến cho thời hiệu thi hành phán quyết trọng tài vụ việc chỉ còn chưa được 4 năm kể từ ngày phán quyết trọng tài có hiệu lực chứ không phải 5 năm. Do đó cần có quy định cụ thể hơn về vấn đề này.

Thứ bảy, về thẩm quyền thi hành phán quyết, quyết định của Trọng tài

Theo Điều 8 Luật TTTM năm 2010, cơ quan HĐTD có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài là cơ quan HĐTD cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội đồng Trọng tài ra phán quyết. Trên thực tế các trung tâm trọng tài thường tập trung tại các thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó các phán quyết trọng tài chủ yếu được ban hành tại các trung tâm trọng tài đặt tại hai thành phố này. Theo số liệu thống kê tại Báo cáo số 74/BC-BTP, trong 4 năm (từ năm 2011 đến 31/12/2015) các trung tâm trọng tài đã ban hành 1.831 phán quyết trọng tài, riêng trong năm 2015, các trung tâm trọng tài đã giải quyết được 1.255 vụ tăng 389 vụ việc so với năm 2014. Trong đó, VIAC đã thụ lý, giải quyết 226 vụ, trung bình gần 60 vụ/năm; Trung tâm Trọng tài thương mại thành phố Hồ Chí Minh (TRACENT) thụ lý, giải quyết 291 vụ, trung bình hơn 70 vụ/năm. Các trung tâm trọng tài khác chỉ giải quyết từ 5 đến 10 vụ/năm.

Thứ tám, việc yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài

Việc yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài được quy định tại Chương XI Luật TTTM năm 2010 (Từ Điều 68 đến Điều 72) và Điều 14 Nghị Quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng TTVTrung tâm trọng tài tối cao

hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật TTTM năm 2010, trong đó quy định cụ thể về căn cứ, trình tự thủ tục yêu cầu và xem xét hủy Phán quyết trọng tài. Tuy nhiên lại thiếu các quy định ràng buộc trách nhiệm trong trường hợp một bên yêu cầu hủy phán quyết trọng tài nhưng không được Trung tâm trọng tài công nhận và việc kéo dài thời gian thi hành phán quyết gây ra thiệt hại đối với bên được thi hành phán quyết. Điều này dẫn đến bên phải thi hành phán quyết trọng tài thường tìm mọi cách để đưa ra yêu cầu phản đối để phán quyết bị bác bỏ, dẫn đến tốn kém thời gian và chi phí cho bên được thi hành phán quyết. Do đó cần quy định chặt chẽ hơn nữa về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài và có những quy định ràng buộc trách nhiệm đối với bên yêu cầu hủy phán quyết nhằm hạn chế tối đa việc lợi dụng quyền yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài để kéo dài thời gian thi hành án.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại. Tác giả đã tập trung phân tích làm rõ các quy định của pháp luật về nguyên tắc giải quyết tranh chấp, các hình thức giải quyết tranh chấp, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp và quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong giải quyết tranh chấp. Theo đó, chỉ ra một số quy định của pháp luật không phù hợp với thực tiễn, làm rõ những quy định mới tiến bộ của Luật trọng tài thương mại 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã đáp ứng được nhu cầu điều chỉnh trong giai đoạn hiện nay. Qua công tác thực tiễn giải quyết tranh chấp tại TTTM, tác giả cũng chỉ ra những khó khăn, vướng mắc, tồn tại từ nhận thức pháp luật của chủ thể trong TCTD, năng lực và kinh nghiệm của TTV giải quyết tranh chấp cũng như các quy định của pháp luật còn nhiều hạn chế do quy định chưa đầy đủ, thiếu chặt chẽ, các văn bản pháp luật có liên quan quy định không thống nhất dẫn đến việc giải quyết còn gặp khó khăn. Thông qua kết quả phân tích, so sánh thực trạng các quy định của pháp luật về hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại hiện hành và thực tiễn giải quyết tranh chấp tín dụng giúp



người đọc có cái nhìn tổng quát về thực trạng pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại, đồng thời qua phần đánh giá những vướng mắc, tồn tại từ pháp luật và từ thực tiễn để có căn cứ trong việc đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT

TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

3.1. Dự báo về sự phát triển hợp đồng tín dụng và các tranh chấp hợp đồng tín dụng

3.1.1. Dffi báo phát triển hợp đồng tín dụng

Mục tiêu đến năm 2020, số lượng khách hàng bán lẻ chiếm khoảng 9,5% dân số (khoảng 10 triệu khách hàng). Quy mô hoạt động đứng trong “top 5” ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam đến năm 2020. Hiệu quả hoạt động: Nâng cao tỷ trọng thu nhập từ hoạt động kinh doanh bán lẻ chiếm 35% trong tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Hiện nay, tại các TCTD thì hoạt động cho vay là một trong những hoạt động chính của các TCTD và đang có tốc độ phát triển nhanh, đáp ứng tốt nhu cầu tài chính của các cá nhân, tổ chức. Các sản phẩm cho vay ngày càng được hoàn thiện và phân phối rộng khắp cả nước nhờ sự năng động của các ngân hàng và các công ty tài chính nói riêng.

Cùng với quá trình phát triển của hệ thống tổ chức tín dụng thì yêu cầu kiện toàn HĐTD trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng cần thiết phải thực hiện đăng ký mẫu hợp đồng cho vay (đối với cá nhân) với Cục Quản lý cạnh tranh Bộ Công thương theo Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Điều này cần phải làm rõ có nên bắt buộc các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phải đăng ký hợp đồng mẫu. Nếu mỗi hoạt động đều phải đăng ký với cơ quan quản lý có thể sẽ dẫn tới mất tính cạnh tranh, làm gia tăng thêm về thủ tục hành chính cũng như ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp cũng như ảnh hưởng đến cả quyền lợi của người tiêu dùng, mà các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng không đăng ký kịp sẽ làm hợp đồng vô hiệu, điều này, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng.

Việc kiện toàn về điều khoản về mục đích hợp đồng vay về cơ bản sẽ bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích và khả năng trả nợ của bên vay, Luật các Tổ chức tín dụng quy định, ngân hàng có trách nhiệm và có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của bên vay, cán bộ tín dụng cần có sự hướng dẫn khách hàng lập một danh sách, mua của ai, người bán ký vào. Tăng cường khả năng giám sát quá trình hoạt động kinh doanh cũng như quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng, nếu phát hiện khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, phải tiến hành lập biên bản, dừng giải ngân.

3.1.2. Xu hướng phát triển các tranh chấp hợp đồng tín dụng

Trong số các tranh chấp kinh doanh thương mại, tranh chấp phát sinh từ hoạt động tín dụng ngân hàng chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các vụ án đã thụ lý, giải quyết và việc giải quyết hiệu quả loại tranh chấp này có ý nghĩa quan trọng cải thiện chỉ số giải quyết tranh chấp hợp đồng, cải thiện tín dụng đầu tư kinh doanh, thúc đẩy lưu thông tiền tệ của nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc Quốc hội ban hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, có hiệu lực từ ngày 15/8/2017, đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong hành lang pháp lý xử lý nợ xấu. Cùng đó, Hội đồng TTVTrung tâm trọng tài tối cao cũng ban hành nhiều nghị quyết để hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật liên quan đến tranh chấp tín dụng như Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017; Nghị quyết số 03/2018/NQHĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/1/2019....

Vì vậy, việc phối hợp hoạt động trao đổi là hoạt động có ý nghĩa nhằm trao đổi, thảo luận về các vướng mắc trong giải quyết tranh chấp tín dụng và các tranh chấp dân sự (theo nghĩa rộng) khác trong lĩnh vực ngân hàng tại TTTM hiện nay và thực tiễn giải quyết tại Trung tâm trọng tài các cấp; chia sẻ kinh nghiệm về việc giải quyết các vụ án liên quan đến hoạt động tín dụng, ngân hàng và đưa ra những khuyến nghị để phòng tránh, hạn chế, giải quyết hiệu quả các tranh chấp phát sinh, đề xuất bản án, quyết định của Trung tâm trọng tài trong lĩnh vực ngân hàng phát

triển thành án lệ, ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực ngân hàng.

Đặc biệt, vấn đề thỏa thuận về phương thức giải quyết tranh chấp đối với các TCTD là ngân hàng nước ngoài, ngân hàng nước ngoài có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. Bởi các chủ thể này khác với các TCTD trong nước, chịu sự điều chỉnh của cả pháp luật nước ngoài lẫn pháp luật Việt Nam và sự khác nhau trong quy định của pháp luật giữa Việt Nam và nước khác là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, việc cho phép, tôn trọng quyền tự thỏa thuận của các bên khi có tranh chấp xảy ra sẽ giảm thiểu tối đa những xung đột pháp luật có thể xảy ra trong quá trình giải quyết các tranh chấp. Tuy nhiên, nguyên tắc đối với các thỏa thuận này là phải phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ngoài ra, tranh chấp hợp đồng tín dụng luôn có sự tham gia của một bên là TCTD và phần lớn các tranh chấp hợp đồng tín dụng thì nguyên đơn là tổ chức tín dụng cho vay, bị đơn là bên đi vay. Với đặc thù của hoạt động tín dụng là sự cung ứng nguồn vốn đến những tổ chức, cá nhân có nhu cầu về vốn trên cơ sở huy động của các tổ chức, cá nhân có thừa nguồn vốn trong xã hội nên TCTD luôn đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ này. Sự tham gia của TCTD là một dấu hiệu đặc trưng nhằm phân biệt giữa tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng vay tài sản thông thường giữa các tổ chức, cá nhân khác mà không phải là TCTD.

Mặt khác, trong mối quan hệ hợp đồng tín dụng, các nghĩa vụ chính của bên đi vay thường phát sinh sau thời điểm giải ngân. Trong khi đó, tại thời điểm hoàn tất việc giải ngân cho khách hàng thì TCTD đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình. Các nghĩa vụ khác của bên cho vay như bảo mật thông tin, lưu trữ hồ sơ tín dụng, nghĩa vụ thông báo, bảo quản tài sản bảo đảm, giải chấp tài sản đảm bảo... là ít quan trọng và là nghĩa vụ phát sinh từ quyền của bên vay. Vì lý do đó nên nếu có tranh chấp xảy ra thì thường là do bên vay vi phạm nghĩa vụ của mình, rất hiếm gặp trường hợp bên đi vay khởi kiện TCTD.

Song song, đa phần các tranh chấp liên quan đến hợp đồng tín dụng ngân hàng chính là các tranh chấp liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn, lãi

của bên vay cho TCTD, về mức lãi suất vay, về vấn đề bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng. Có rất nhiều loại tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng như: Tranh chấp về chủ thể xác lập, thực hiện HĐTD, tranh chấp liên quan đến bảo lãnh vay vốn, tranh chấp liên quan đến mục đích sử dụng vốn vay... Tuy nhiên, tranh chấp xảy ra nhiều nhất là tranh chấp liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả vốn và lãi, về mức lãi suất vay, về vấn đề bảo đảm. Sở dĩ như vậy bởi vì, những nghĩa vụ này đóng vai trò nòng cốt trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng của các bên và việc thực hiện này có tác động trực tiếp đến quyền lợi của TCTD. Các tranh chấp khác cũng có tác động đến các TCTD nhưng không phải là cơ bản nên ít xảy ra hơn so với tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả vốn và lãi hay tranh chấp về lãi suất, về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Hơn nữa, tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng thường là tiền đề làm phát sinh và gắn liền với một quan hệ hợp đồng khác: Hợp đồng bảo đảm tiền vay thông qua hình thức cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Các TCTD khi tham gia vào hợp đồng tín dụng đều có mục đích lợi nhuận từ việc cho vay đó vì bản chất của TCTD là doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ. Để giảm thiểu rủi ro trong trường hợp bên vay không trả được nợ, thông thường TCTD chỉ đồng ý cho bên đi vay được vay vốn khi họ có cầm cố, thế chấp bằng tài sản hoặc có bảo lãnh của bên thứ ba. Các biện pháp bảo đảm này đóng vai trò là phương pháp dự phòng của TCTD khi rủi ro xảy ra. Khi đó, để đảm bảo cho nghĩa vụ được đảm bảo trong hợp đồng tín dụng thì các bên kí kết hợp đồng bảo đảm cho khoản vay. Tùy từng trường hợp, đó có thể là hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp hay là dưới hình thức chứng thư bảo lãnh của bên thứ ba. Những điều khoản về quyền và nghĩa vụ trong các hợp đồng bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn là để bảo đảm cho việc vay vốn, xuất phát từ hợp đồng tín dụng đã được kí kết và mục đích cuối cùng là bảo đảm cho việc trả nợ của bên đi vay.

Thêm vào đó, tranh chấp hợp đồng tín dụng còn phát sinh từ sự xung đột về lợi ích giữa các bên tham gia tranh chấp. Vì tranh chấp hợp đồng tín dụng cũng là một loại tranh chấp hợp đồng nên phải xuất phát từ xung đột lợi ích của các bên

trong hợp đồng. Tuy nhiên, đối với tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thì chỉ có chính các bên hay người đại diện hợp pháp của họ mới có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên đi vay hay TCTD. Không có trường hợp nào mà tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh do tổ chức, cá nhân khác khởi kiện để bảo vệ quyền lợi cho các bên tham gia hợp đồng tín dụng.

3.1.3. *Sffi cần thiết phải sửa đổi các quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại*

Trên phương diện lý luận và thực tiễn thì cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại, cụ thể là

Một là, thông qua việc hoàn thiện các quy định về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại sẽ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vấn đề này. Những quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng về quản lý nhà nước đối với lĩnh vực giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại chính là những cơ sở pháp lý cơ bản của quy định cơ cấu tổ chức của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực HĐTD. Có thể thấy pháp luật về HĐTD có một vai trò quan trọng đối với lĩnh vực HĐTD. Việc hình thành hệ thống cơ quan giải quyết tranh chấp HĐTD nằm trong hệ thống cơ quan nhà nước nói chung và được tổ chức thống nhất từ cấp Trung ương xuống địa phương. Thông qua việc quy định chức năng của mình thì các cơ quan trên thực hiện hoạt động kiểm tra giám sát thường xuyên các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật về HĐTD nói chung và giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại, kịp thời ngăn chặn, phát hiện và xử lý những vi phạm đối với lĩnh vực mà mình quản lý.

Hai là, trong vấn đề về QLNN thì vấn đề giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại có vai trò, ý nghĩa quan trọng, góp phần trong việc đảm bảo thực hiện các quy định về giải quyết tranh chấp HĐTD và thực thi các quyết định, bản án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo việc tuân thủ pháp luật trên thực tế trong quá trình phát triển của đất nước và xã hội của mỗi quốc gia. Bằng việc quy định cụ thể về vấn đề giải quyết tranh chấp HĐTD bằng

hình thức trọng tài thương mại tại các văn bản pháp lý hiện hành là điều kiện bảo đảm an toàn đối lĩnh vực TD ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, đối với xã hội thì vấn đề quy định về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại có vai trò to lớn đối với quá trình phát triển bền vững của mỗi một quốc gia. Do đó, việc ban hành các quy phạm pháp luật trong quản lí nhà nước đối với lĩnh vực tăng cường quản lí đối với hbvh HĐTD là cơ sở pháp lí cho việc cơ quan nhà nước thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát và thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại. Việc thanh tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, định kì hàng năm hoặc kiểm tra đột xuất dựa vào các văn bản pháp luật do nhà nước ban hành.

Bốn là, vì vấn đề giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại là một vấn đề quan trọng nên hoạt động QLNN về vấn đề này có tác động đến kinh tế và xã hội. Việt Nam hiện nay đang thực hiện công cuộc xây dựng và phát triển đất nước nên cùng với quá trình xây dựng thì việc giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại ngoài ý nghĩa kinh tế còn có ý nghĩa chính trị, xã hội rất quan trọng. Đặt hoạt động QLNN về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại trong quá trình xây dựng và phát triển lên hàng đầu và trở thành chiến lược với ý nghĩa là vô cùng phù hợp với quá trình hội nhập trong khu vực và trên trường quốc tế trong những năm trở lại đây.

Năm là, quy định về pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại có vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của xã hội về lĩnh vực này. Những quy định về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại có vai trò trong việc giáo dục, truyền thông để từ đó góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về công tác tuân thủ các quy định pháp luật. Góp phần quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế - xã hội một cách bền vững ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Định hướng hoàn thiện

Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng đã đặt ra

yêu cầu hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại nhằm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ HĐTD, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Phương hướng hoàn thiện việc đảm bảo giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại của các chủ thể đến từ những yếu tố khác nhau. Trong đó, sự cần thiết đó cần được hoàn thiện cụ thể dưới các góc độ như sau:

Một là, hoàn thiện các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại chính là việc thể chế hoá quan điểm, chủ trương phát triển của Đảng. Quá trình xây dựng các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại cần xuất phát và nằm trong tổng thể các chính sách, định hướng mang tính quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội. Sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại nhằm áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn. Đồng thời chính sách, pháp luật phải có tính nhất quán, tăng phạm vi điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Ban hành văn bản mới để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong hoạt động xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực HĐTD. Từ đó, bảo đảm sự hài hoà giữa phát triển kinh tế và yêu cầu thực hiện quy định HĐTD đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

Hai là, hoàn thiện các quy định về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại trong pháp luật HĐTD góp phần trong việc quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan NN có thẩm quyền trong thực tiễn. Đồng thời, trong quá trình áp dụng cần có sự kiểm tra, giám sát có hiệu quả từ phía các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với các cơ quan áp dụng pháp luật cần có sự thống nhất trong công tác quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương. Đầu tư các trang thiết bị hoàn chỉnh, đáp ứng với quá trình xử lý các hành vi vi phạm trong pháp luật HĐTD có hiệu quả ở nước ta hiện nay.

Ba là, thông qua việc hoàn thiện các quy định pháp luật, nâng cao chất lượng hiệu quả giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài thương mại sẽ tạo tiền đề cơ bản để nước ta thực hiện các cam kết về HĐTD trong các điều ước

quốc tế mà Việt Nam là thành viên, góp phần chủ động hội nhập quốc tế. Đồng thời, với việc nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực này tạo tiền đề để hoàn chỉnh pháp luật HĐTD nói riêng và hệ thống pháp luật nước ta nói chung, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Tăng đầu tư hạ tầng tương xứng với tiềm năng và định hướng phát triển HĐTD trên ở nước ta nói chung. Ngoài ra, cần quan tâm và hoàn thiện các chế độ chính sách chung cho công chức làm công tác HĐTD và tranh chấp hợp đồng tín dụng giải quyết bằng con đường trọng tài. Thực tế hiện nay TTV làm trong trung tâm trọng tài chưa có thể hiện được sự công tâm trong hoạt động giải quyết tranh chấp trong thực tế.

Chú trọng đến việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, công cụ hỗ trợ về trung tâm trọng tài để tránh sự lệ thuộc vào các cơ quan khác. Đồng thời giúp cho Nhà nước giảm chi phí chi cho hoạt động của cả hệ thống các cơ quan HĐTD từ Trung ương xuống địa phương

3.3. Giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện quy định về hợp đồng tín dụng, giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại

3.3.1.1. Giải pháp hoàn thiện quy định về hợp đồng tín dụng

Một là, hoàn thiện quy định về cho vay khách hàng cá nhân. Thực tế áp dụng pháp luật về cho vay ở nước ta đã cho chúng ta thấy rằng những quy định của hệ thống pháp luật chưa đáp ứng được những yêu cầu để những quy định về hoạt động cho vay để trở thành một công cụ pháp lý có hiệu quả nhằm bảo vệ lợi ích của các chủ thể trong quan hệ tranh chấp. Các quy định về cho khách hàng là cá nhân vay nói riêng và hoạt động cho vay cần phát huy hơn nữa chức năng và nhiệm vụ của mình nhằm đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn nền kinh tế Việt Nam. Những quy định này cần đáp ứng những yêu cầu đó là: an toàn, mang tính chất mềm dẻo, linh hoạt và phải đạt hiệu quả về kinh tế.

Hai là, hoàn thiện quy định về cho khách hàng vay đảm bảo nhu cầu phát triển nền kinh tế, phù hợp với sự phát triển trong và ngoài nước. Trước yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước, hội nhập và phát triển thì việc nghiên cứu và hoàn thiện những quy định về cho vay tại các NHTM cũng như trình tự, thủ tục các vấn đề có liên quan là điều vô cùng cần thiết. Yêu cầu này đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu một cách căn bản, có hệ thống kinh nghiệm lập pháp của các hệ thống pháp luật tiêu biểu trên thế giới cũng như khu vực, để chuyển hóa và tiếp thu có chọn lọc những quy định, tập

Ba là, về đối tượng vay vốn: Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh giữa các ngân hàng là vô cùng gay gắt trong đó có sự cạnh tranh về khách hàng. Nhằm đảm bảo cho các ngân hàng không bị mất các khách hàng tiềm năng thì quy định về các đối tượng không được cho vay theo Điều 77 Luật các tổ chức tín dụng cần sửa đổi theo hướng cấm cho vay với điều kiện ưu đãi. Theo đó các đối tượng trên (trừ Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng) vẫn được phép vay nhưng trong một giới hạn nhất định và luôn phải có tài sản bảo đảm lớn hơn số tiền vay. Quy định như trên vẫn đảm bảo được tính minh bạch trong hoạt động cho vay và cũng không làm mất những khách hàng tiềm năng của các tổ chức tín dụng. Hội nhập kinh tế quốc tế cũng đòi hỏi quyền bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế, quyền tự do định đoạt tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp và hạn chế đến mức thấp nhất sự can thiệp của Nhà nước vào các hoạt động kinh tế.

Bốn là, về quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể trong hợp đồng tín dụng ngân hàng- Cần sớm loại bỏ quy định quyền của khách hàng được quyền khiếu kiện tổ chức tín dụng từ chối cấp tín dụng mà không có căn cứ. Quy định này lại một lần nữa vi phạm quyền tự do kinh doanh của các tổ chức tín dụng trong đó có quyền tự do giao kết hợp đồng. Hợp đồng phải được thiết lập trên cơ sở tự nguyện, tự do ý chí của các bên chủ thể, không bên nào bị ép buộc bên nào. Do đó, nếu bên tổ chức tín dụng không muốn thiết lập quan hệ với một khách hàng nào đó cũng là quyền của tổ chức tín dụng thì họ có quyền từ chối mà không cần đưa ra lý do. Nhà nước không có quyền can thiệp. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế

hiện nay thì quy định trên hoàn toàn không phù hợp cần sớm loại bỏ. - Cần bổ sung thêm quy định tổ chức tín dụng có quyền được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu khách hàng bị đe dọa bởi điều kiện tài chính nghèo nàn không có khả năng trả nợ. Khả năng tài chính đảm bảo trả nợ là một trong những căn cứ quan trọng để tổ chức tín dụng quyết định cho khách hàng vay vốn, và đây cũng là đảm bảo quan trọng nhất để tổ chức tín dụng có thể thu hồi vốn vay.

Năm là, hoàn thiện các quy định về lãi suất của HĐTD, cụ thể:

- Cần quy định thống nhất căn cứ tính lãi suất chắt âm trả trong BLDS và luật chuyên ngành liên quan. Hiên tại, khi căn cứ vào BLDS 2015, lãi suất chắt âm trả sẽ được tính như sau:

Nếu mua bán hàng, chắt âm thanh toán: lãi suất chắt âm trả $\leq 20\%/năm$, nếu các bên có thỏa thuận. Nếu không có thỏa thuận, lãi suất chắt âm trả $\leq 10\%/năm$. (Khoản 3 Điều 440 và Điều 357)

Như vậy, chỉ riêng trong BLDS 2015 đã có sự phân biệt trong cách tính lãi suất chắt âm trả, nhất là trong hoạt động vay tài sản. Trên thực tế, không chỉ có BLDS điều chỉnh về lãi suất mà còn có các luật chuyên ngành điều chỉnh. Tuy nhiên, các quy định của luật chuyên ngành lại mâu thuẫn với BLDS. Ngày 16/6/2010, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật các tổ chức tín dụng (luật số 47/2010/QH12). Tại Khoản 2 điều 91 Luật này quy định trực tiếp về lãi suất thỏa thuận, không điều chỉnh thông qua các văn bản dưới luật như trước đây. Tuy nhiên, luật các tổ chức tín dụng 2010 lại không đề cập đến lãi suất đối với khoản nợ quá hạn, như vậy các bên quan hệ tín dụng và cơ quan giải quyết tranh chấp vẫn áp dụng khoản 5 Điều 466 BLDS 2015 hoặc khoản 4 điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN. Trở lại với hai căn cứ áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với khoản nợ gốc quá hạn này, lại đặt ra mối quan hệ luật chung và luật chuyên ngành và giá trị pháp lý của các văn bản pháp luật.

Tại văn bản hướng dẫn này, nên quy định rõ lãi suất đối với khoản nợ quá hạn không vượt quá 150% lãi suất trong hạn trong hợp đồng tín dụng, trừ trường hợp các bên có thuận khác. Với hướng dẫn cụ thể trong luật chuyên ngành như vậy,

các TCTD sẽ không bị thiê át thời khi có tranh chấp, vì Tòa án sẽ có cơ sở để không áp dụng lãi suất cơ bản trong tính lãi suất nợ quá hạn. Sở dĩ cần làm như vậy vì đây là mô át quan hệ â dân sự đã ác thù, có luâ át chuyên ngành điều chỉnh sẽ sâu sát hơn với thực tế so với BLDS. Mã át khác, trên thực tế, các TCTD áp dụng Thông tư 39/2016/TT-NHNN để tính lãi suất quá hạn, và chỉ có những hợp đồng bị tranh chấp mới phát sinh lãi suất nợ quá hạn, còn những hợp đồng khác với khách hàng vẫn áp dụng cách tính lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Nghĩa là quy định của BLDS chỉ có thể điều chỉnh mô át bô â phá ân trong số lượng lớn các hợp đồng tín dụng giữa TCTD và khách hàng vay vốn, chưa thực sự có sức ảnh hưởng nhiều và hiê âu quả trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Tuy nhiên, sẽ có nhiều ý kiến trái chiều, trong đó nhiều ý kiến cho rằng ý nghĩa của việc phạt trả chậm nhằm hạn chế chủ thể có nghĩa vụ Chậm thanh toán theo nghĩa vụ của mình; mặt khác, đó là hình thức chế tài buộc người vi phạm nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm vì hành vi vi phạm pháp luật của mình. Việc qui định chỉ có một cách thức tính tiền phạt sẽ hạn chế quyền của bên bị vi phạm hơn so với dựa trên cơ sở lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường (vì lãi suất nợ quá hạn cao hơn lãi suất cơ bản). Vì thế, với quan điểm này, tác giả đã đưa ra kiến thứ hai là pháp luật vẫn qui định nhiều cách thức phạt trả chậm, nhưng khi áp dụng các bên chỉ được lựa chọn mô át cách thức phạt đối với một khoản nợ chậm trả để đảm bảo lợi ích của bên vi phạm nghĩa vụ.

- *Bổ sung quy định về lỗi suy đoán trong việc chứng minh thiệt hại và Lãi suất do chậm thanh toán đương nhiên phát sinh.* Khi bị thiệt hại, bên có quyền có phải chứng minh đã bị thiệt hại khi yêu cầu trả lãi suất không, bởi vì để quy trách nhiệm pháp lý cho chủ thể vi phạm thì cần chứng minh chủ thể có đủ dấu hiệu cấu thành VPPL, trong đó có việc chứng minh thiệt hại do hành vi VPPL gây ra và chứng minh yếu tố lỗi (chủ thể vi phạm đã có lỗi). PLVN không có quy định ra như vậy. Tuy nhiên trong thực tiễn xét xử các Trung tâm trọng tài đều không buộc bên có quyền (bên được thanh toán) phải chứng minh là có thiệt hại xảy ra và được thực hiện bởi hành vi có lỗi mới được yêu cầu lãi chậm trả. Trung tâm trọng tài lập luận

rằng trong luật thực định thì các quy định luật thương mại và BLDS đều cho phép bên có quyền được hưởng lãi chậm trả mà không cần yêu cầu chứng minh họ có thiệt hại từ việc chậm trả. Nghiên cứu so sánh thấy rằng trong một số hệ thống pháp luật, luật thực định nói rõ là bên có quyền không phải chứng minh yếu tố này

Sáu là, về thủ tục giải quyết tranh chấp: Theo quy định của pháp luật hiện hành, thủ tục giải quyết các tranh chấp dân sự rất rườm rà, nhiều thủ tục, gây tốn kém về thời gian và tiền bạc cho các bên tranh chấp. Thực tế Việt Nam cho thấy, các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngân hàng chủ yếu liên quan đến vi phạm nghĩa vụ trả nợ của khách hàng, tình tiết rõ ràng. Vì vậy, theo tác giả, pháp luật cần nghiên cứu bổ sung quy định áp dụng thủ tục rút gọn đối với một số tranh chấp dân sự nói chung trong đó có tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng có tình tiết rõ ràng. Điều này không chỉ giải quyết được nhiều vụ án dân sự ứ đọng mà đối với tổ chức tín dụng lại có khả năng thu hồi vốn nhanh, hạn chế thiệt hại. Về thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng. Tranh chấp hợp đồng tín dụng có nhiều các yếu tố phức tạp. Mặt khác, thiệt hại phát sinh từ hợp đồng tín dụng không chỉ gây thiệt hại cho các bên chủ thể mà còn tác động dây chuyền đến toàn bộ nền kinh tế. Do đó, pháp luật cần có văn bản hướng dẫn cụ thể thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện, tức là thời điểm mà quyền và lợi ích hợp pháp của các bên bị xâm hại là thời điểm nào? Hơn nữa, do tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngân hàng có những nét đặc thù riêng, vì vậy, nếu thời hiệu khởi kiện là hai năm như các tranh chấp dân sự nói chung là chưa hợp lý mà cần được kéo dài hơn.

3.3.1.2. *Giải pháp hoàn thiện giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài thương mại*

Một là, các quy định về chủ thể của quan hệ thể chấp tài sản cần phải xác định rõ ràng. - Bộ luật dân sự cần ấn định các tiêu chí để xác lập địa vị pháp lý của hộ gia đình ấn định các quyền về tài sản cho hộ gia đình đó. Tiêu chí nào để ấn định đại diện chủ hộ và tiêu chí nào để ấn định các thành viên trong hộ gia đình. Đối với Luật hợp đồng tín dụng cần ấn định tài sản là hợp đồng tín dụng trong trường hợp nào thì ấn định là chung của cả hộ gia đình và riêng cho một thành viên trong hộ gia

đình. Bên cạnh đó pháp luật cần bổ sung các quy định về quản lý đăng ký thành viên hộ gia đình (đăng ký lần đầu, thay đổi, chấm dứt) nhằm các định tư cách thành viên hộ gia đình, qua đó tạo thuận lợi cho hộ gia đình khi thực hiện các quyền của người sử dụng đất. -Luật hợp đồng tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với trường hợp thế chấp hợp đồng tín dụng đối với giấy chứng nhận hợp đồng tín dụng đã cấp trước đây là còn ghi là hộ gia đình nên quy định rõ trong trường hợp thế chấp này thì chỉ cần chủ hộ gia đình ký vào hợp đồng thế chấp và phải có sự đồng ý của những người trong hộ gia đình đó. Thứ ba, Bổ sung và hướng đến hoàn thiện các quy định của pháp luật để tạo sự bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tín dụng, đảm bảo lợi ích hài hoà giữa các bên. Sự bình đẳng của các chủ thể và lợi ích hài hòa của các bên tham gia quan hệ kinh tế trong kinh tế thị trường là điểm khác cơ bản so với các nền kinh tế khác. Mục đích mà các bên hướng tới trong giao dịch kinh tế nói chung, giao dịch tín dụng nói riêng là lợi ích của mỗi bên. Giải quyết không tốt bài toán lợi ích sẽ tạo nên tình trạng hoặc là một bên có lợi, hoặc là một nhóm có lợi ích hoặc là chỉ nhà nước có lợi ích. Như thế, sẽ làm tiết tiêu động lực kinh tế của các bên giao kết tín dụng và cũng dễ dẫn đến vấn đề tham nhũng quyền lực, tham nhũng cơ chế.v.v..

Hai là, xác định rõ thẩm quyền của Trung tâm trọng tài trong việc xem xét quyết định của trọng tài. Về nguyên tắc, trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp độc lập với Tòa án, phán quyết của trọng tài là chung thẩm, Trung tâm trọng tài không có quyền can thiệp, trừ những trường hợp luật định, có nghĩa là sự can thiệp của Trung tâm trọng tài vào hoạt động tố tụng của trọng tài được hạn chế trong phạm vi luật định, sự can thiệp này là nhằm đảm bảo trật tự công cộng, thể hiện chức năng giám sát của một cơ quan tư pháp Nhà nước đối với một thể chế phi chính phủ như trọng tài, mục đích là nhằm hỗ trợ, nâng cao uy tín và vị thế của trọng tài. Vì thế LTTTM quy định hãn Điều luật nhằm thừa nhận khả năng Trung tâm trọng tài dành cơ hội cho trọng tài được khắc phục các sai sót trong quá trình tố tụng nhằm tránh việc hủy các phán quyết trọng tài. Thứ năm, về quy định chủ thể khởi kiện: pháp luật TTTM cần mở rộng hơn, bởi pháp luật đã thừa nhận trọng tài

có thẩm quyền giải quyết đối với tranh chấp ít nhất một bên có mục đích dân sự, đây là tranh chấp mang bản chất dân sự, do đó chủ thể trong quan hệ dân sự cũng phải có quyền khởi kiện ra trọng tài ngoài việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chính họ, thì họ cũng phải có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chủ thể khác; cho lợi ích công cộng nhà nước thông qua hoạt động DTM mà họ tham gia ác lập, thực hiện, ví dụ như thành viên công ty khởi kiện vì quyền và lợi ích hợp pháp của công ty, tất nhiên là giữa các bên tranh chấp phải có TTTT hợp pháp.

Ba là, về quy định phí trọng tài: phải có chế định về phương thức nộp và nhận phí trọng tài, mẫu biên lai thu phí phải có sự quản lý của cơ quan Nhà nước, nhằm phục cho việc tính thuế và thu thuế của Nhà nước, cũng như bảo đảm quyền lợi khấu trừ thuế trong một số trường hợp mà pháp luật quy định cho doanh nghiệp.

Bốn là, về thời hạn thụ lý vụ tranh chấp: Điều 32 của LTTTM cần quy định thời hạn “Thông báo đơn khởi kiện” phải phù hợp với tính chất nhanh gọn của phương thức trọng tài, LTTTM quy định thời hạn là 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn thì trọng tài tiến hành thụ lý, tuy nhiên như đã phân tích ở trên có thể thấy tổ tụng Trung tâm trọng tài có trường hợp quy định chỉ thụ lý trong thời hạn từ 08 đến 10 ngày.

3.3.1.3. Giải pháp về hoàn thiện thi hành quyết định trọng tài

Một là, sớm tiến hành nghiên cứu, tổng kết chuyên đề về thực tiễn giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài Việt Nam, đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài từ đó rút ra các sai lầm, thiếu sót, nguyên nhân của các sai lầm thiếu sót làm cơ sở cho việc ra văn bản hướng dẫn. Đồng thời, cần ban hành văn bản hướng dẫn việc áp dụng các quy định của BLTTDS về vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài.

Hai là, trong quá trình áp dụng các quy định tại Chương 29, Phần thứ 6 BLTTDS cho thấy một trong những nguyên nhân giải quyết đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam rất chậm là do có

những quy định chưa hợp lý. Theo quy định tại Điều 364 BLTTDS thì đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài phải được gửi đến Bộ Tư pháp, sau đó đơn mới được chuyển đến Trung tâm trọng tài có thẩm quyền. Dù Điều 366 quy định trong thời hạn 07 ngày Bộ Tư pháp phải chuyển hồ sơ cho Tòa án, nhưng thực tế cũng phải từ 01 đến 02 tháng, hoặc cũng có trường hợp mất thời gian nhiều hơn. Vì vậy, Trung tâm trọng tài có thẩm quyền chậm trễ kết thúc vụ việc.

Ba là, hiện nay, BLTTDS quy định việc giải quyết đơn yêu cầu được thực hiện theo hai cấp xét xử. Quyết định của Tòa phúc thẩm TAND tối cao là quyết định cuối cùng, không có giám đốc thẩm. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, một tỷ lệ đáng kể quyết định xét đơn yêu cầu có hiệu lực pháp luật, nhưng có những sai lầm nghiêm trọng, song không có cơ chế sửa sai, gây nên những bức xúc cho đối tác nước ngoài. Để việc giải quyết đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài vừa không mất thời gian quá dài, vừa có cơ chế kiểm soát, sửa chữa sai sót thì nên quy định cho TAND cấp cao giải quyết loại việc này; quyết định của TAND cấp cao có hiệu lực thi hành; đồng thời, quy định một thời gian hợp lý để TAND tối cao xem xét đơn khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm, nếu đương sự có yêu cầu và TAND tối cao xét thấy quyết định xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài của TAND cấp cao có sai lầm nghiêm trọng, thì Chánh án TAND tối cao kháng nghị và Hội đồng TTV xét xử giám đốc thẩm. Đây là một sự lựa chọn phù hợp với tình hình hiện nay, nên cần được bổ sung vào BLTTDS.

Bốn là, về việc hỗ trợ hoạt động của Trọng tài trong và ngoài nước, hiện nay BLTTDS và Luật TTTM chưa quy định về vấn đề này, nên khi Trọng tài nước ngoài yêu cầu thì Trung tâm trọng tài Việt Nam không có cơ sở pháp lý xem xét. Như vậy, là chưa phù hợp với quy định tại luật mẫu về trọng tài thương mại quốc tế của Liên hợp quốc. Vì thế cần phải bổ sung vào BLTTDS thẩm quyền này cho Tòa án.

3.3.2. Giải pháp áp dụng các quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Trọng tài thương mại

Trong những năm trở lại đây thì tình hình tranh chấp hợp đồng tín dụng giải quyết bằng con đường trọng tài thương mại ở nước ta nói chung có xu hướng gia tăng. Bên cạnh việc hoàn thiện về hệ thống pháp lý làm cơ sở cũng như kiện toàn bộ máy tổ chức của các cơ quan tư pháp nói chung ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là điều kiện tiên quyết trong việc giải quyết các tranh chấp về hợp đồng tín dụng nói chung và tranh chấp về tranh chấp hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng một cách hiệu quả. Đối với nước ta cần có những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết về vấn đề này, cụ thể như sau:

3.3.2.1. Hoàn thiện về cơ chế phối hợp giữa các trung tâm trọng tài

Để giải quyết kịp thời và có đầy đủ các căn cứ về tài liệu, chứng cứ trong hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giải quyết bằng con đường trọng tài thương mại đòi hỏi các trung tâm trọng tài và cơ quan hành chính địa phương cần tăng cường sự phối hợp hỗ trợ cho nhau trong hoạt động cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.

- Các cơ quan trong tỉnh cần có sự phối hợp với nhau trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giải quyết bằng con đường trọng tài thương mại một cách có hiệu quả nhằm đảm bảo việc giải quyết tranh chấp có căn cứ, tránh tình trạng khiếu kiện kéo dài, khiếu kiện vượt cấp. Cần sớm xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan tư pháp và TTTT nhằm hỗ trợ cung cấp thông tin cho nhau trong việc giải quyết tranh chấp đạt kết quả tốt.

- Cần có sự phối hợp trong việc giải thích bản án, thi hành bản án giữa TT, cơ quan Thi hành án, Công an địa phương, Tư pháp địa phương để đảm bảo việc cưỡng chế thi hành các quyết định và bản án có hiệu lực pháp luật, tránh tình trạng kéo dài thời hạn thi hành án, hoặc do Bản án tuyên không cụ thể nên việc thi hành án khó khăn, việc cưỡng chế thi hành án không thực hiện được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể cần có sự phối hợp trong công tác tuyên truyền pháp luật đến mọi tầng lớp nhân dân, việc tuyên truyền pháp luật cần

được thực hiện thường xuyên, đồng bộ và dưới nhiều hình thức khác nhau như lồng ghép vào các cuộc họp, sinh hoạt tại địa phương, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật hợp đồng tín dụng để tăng thêm hiểu biết và nâng cao ý thức tôn trọng và nhận thức pháp luật của mọi tầng lớp nhân dân để người dân không bị lúng túng, bị động khi tham gia vào quan hệ pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.

3.3.2.2. Giải pháp về xây dựng nguồn lực

- Hàng năm số lượng các vụ án tranh chấp dân sự nói chung và tranh chấp hợp đồng tín dụng nói riêng tại các TTTT chiếm số lượng lớn và ngày càng phức tạp. Số lượng biên chế TTV mặc dù đã được tăng thêm so với những năm trước đây, nhưng để giải quyết khối lượng công việc lớn và đòi hỏi phải chính xác, cần thực hiện nhiều biện pháp thu thập chứng cứ để giải quyết các vụ án nên các TTV hầu như phải rất cố gắng mới đảm bảo được thời hạn giải quyết và giải quyết các vụ án đúng căn cứ pháp luật. Do đó, cần tăng thêm số lượng TTV có trình độ hiểu biết về hợp đồng tín dụng và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Nâng cao trình độ TTV làm công tác giải quyết tranh chấp tại TTTT. Việc bồi dưỡng năng lực, kỹ năng và kinh nghiệm cũng như trình độ của TTV về vấn đề này là điều hoàn toàn cần thiết. TTV cần nắm vững và am hiểu các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp là cơ sở quan trọng khi tham gia giải quyết vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng trong thực tiễn đạt hiệu quả cao.

- Cần tăng cường hơn nữa công tác hòa giải tại TTTT, khuyến khích các TTV tích cực và kiên trì hòa giải giúp các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng vừa giúp đương sự tiết kiệm thời gian, chi phí vừa giữ được tình cảm, lại tăng hiệu quả, hiệu lực thi hành đối với vụ việc. Đồng thời giúp TTTT giảm tải trong việc thu thập, tài liệu chứng cứ có liên quan, góp phần ổn định tình hình chính trị tại địa phương, giảm tình trạng khiếu nại, khiếu kiện kéo dài hoặc vụ án phải xét xử qua nhiều cấp do các đương sự chưa đồng ý với quyết định của Bản án. Cần có chính sách khen thưởng đối với những TTV giải quyết vụ án đã hòa giải thành nhằm tạo động lực cho TTV có thêm nhiệt huyết và phát huy được năng lực và kinh nghiệm của mình.

- Cần nâng cao phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp cho đội ngũ TTV. Để giải quyết tốt các tranh chấp hợp đồng tín dụng trong thời gian tới, đòi hỏi đội ngũ TTV phải có ý thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp cao nhằm giải quyết vụ án thấu tình đạt lý. Khi xét xử cần phải “Cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư” để có cái tâm trong sáng, bản lĩnh chính trị vững vàng, đánh giá các chứng cứ vụ án một cách khách quan, toàn diện và chính xác, không bị lôi kéo hoặc các lợi ích khác tác động làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến lòng tin và sự tôn trọng của nhân dân đối với trung tâm trọng tài.

- Trung tâm trọng tài cần chủ trì mở các lớp tập huấn về kỹ năng giải quyết các loại án có tích chất phức tạp, kỹ năng thu thập chứng cứ, giải quyết tranh chấp. Hàng năm cần tổ chức hội nghị trực tuyến rút kinh nghiệm đối với những vụ án có vi phạm nhằm rút kinh nghiệm và tạo điều kiện cho các TTV trao đổi những vụ án còn nhiều quan điểm không thống nhất do pháp luật quy định không rõ ràng nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc mà các Trung tâm trọng tài gặp phải.

- Cần có kế hoạch hỗ trợ tài chính cho các đơn vị Trung tâm trọng tài trong quá trình giải quyết vụ án, các chi phí tố tụng do thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, chẳng hạn như chi phí trưng cầu định giá tài sản nhằm giúp các TTV chủ động hơn khi tiến hành các hoạt động liên quan đến việc giải quyết vụ án.

3.3.2.3. *Giải pháp về tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài*

Đối với quá trình kiểm tra, giám sát việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại cần có cơ sở pháp lý để đánh giá trình độ của cơ quan, cán bộ, công chức, lực lượng có thẩm quyền. Có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng này. Đồng thời nghiêm khắc xử lý những trường hợp các đối tượng thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại lợi dụng quyền hạn của mình để làm lợi bất hợp pháp. Thường xuyên tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, tăng cường rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện chính sách pháp luật về tín dụng theo hướng ổn

định; kế thừa những quy định đã đi vào cuộc sống; nghiên cứu, lược bỏ những quy định không phù hợp, xa rời thực tế, hạn chế quy định mang tính thủ tục hành chính không cần thiết, giảm phiền hà cho doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo quản lý tín dụng chặt chẽ, hiệu quả.

Đồng thời, tiến hành hoạt động công khai thông tin vi phạm về TCHĐTD trên các phương tiện thông tin đại chúng để tạo áp lực buộc các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải tuân thủ nghiêm túc quy định về TCHĐTD. Thường xuyên tổ chức những đợt tập huấn, triển khai Luật tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành cho cơ quan quản lý các cấp và doanh nghiệp, đẩy mạnh công tác truyền thông về tín dụng với hình thức và nội dung đa dạng, phong phú để từng bước nâng cao nhận thức cho cộng đồng về TCHĐTD.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tín dụng phải tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, giải quyết dứt điểm những nội dung, vấn đề nóng, bức xúc về tín dụng, thông qua đó cập nhật những quy định mới về TCHĐTD, hướng dẫn cho các địa phương, doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ, thủ tục về tín dụng, xử lý nghiêm các vi phạm các điều khoản về hợp đồng tín dụng. Ngoài ra, để công tác kiểm soát tín dụng đạt được hiệu quả và thực sự là công cụ đắc lực, không thể thiếu trong công tác quản lý nhà nước về tín dụng, bên cạnh việc hoàn thiện quy định pháp luật, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho hoạt động thanh tra, kiểm tra chủ động, linh hoạt, cần có cơ chế sàng lọc đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra có tâm, đủ tầm, trong sạch, bản lĩnh, hiểu biết pháp luật để vận dụng, xử lý tốt các tình huống cụ thể trong công tác kiểm soát hoạt động TCHĐTD.

3.3.2.4. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về hợp đồng tín dụng và pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và các thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại, để người dân có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về những quy định của pháp luật trong lĩnh vực hợp đồng tín dụng nhằm hạn chế việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng không đúng quy

định pháp luật, như hợp đồng tranh chấp hợp đồng tín dụng không tuân thủ các nội dung và hình thức theo quy định của BLDS, Luật tổ chức tín dụng, đảm bảo nguyên tắc “sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”.

- Phát hành và công bố rộng rãi trình tự, thủ tục về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng từ khi giao kết đến khi thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng. Công bố trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng nói chung và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại nói riêng trên trang thông tin điện tử của các trung tâm trọng tài và niêm yết tại cơ quan nhà nước... Giúp cho các chủ thể tham gia quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng hiểu rõ và nắm bắt được các thông tin liên quan đến hoạt động của mình nhằm tuân thủ pháp luật và bảo vệ quyền lợi của các bên. Đồng thời cũng giúp các chủ thể chủ động và dễ dàng hoàn thành các thủ tục tranh chấp hợp đồng tín dụng hoặc thủ tục khởi kiện khi xảy ra tranh chấp. Điều này có ý nghĩa thiết thực đối với các bên và cả cơ quan hành chính và cơ quan giải quyết tranh chấp.

- Tuyên truyền pháp luật cho người dân hiểu về hậu quả của việc không tuân thủ hình thức hợp đồng, cố tình ghi giá đất trong hợp đồng thấp nhằm tránh nghĩa vụ nộp thuế, vay tiền bằng hình thức “tín dụng đen” dưới hình thức hợp đồng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến quyền lợi của các chủ thể. Các hình thức tuyên truyền phải mang tính chất tập trung, cần có sự liên kết giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh, cũng như chính quyền địa phương, cơ quan, doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền phải đa dạng, phong phú về hình thức và phải phù hợp với từng đối tượng như công chức, người lao động, người dân. Mỗi đối tượng cần sử dụng biện pháp tuyên truyền phù hợp với trình độ và điều kiện công việc cụ thể nhằm phát huy tối đa tác dụng của hoạt động tuyên truyền.

3.3.2.5. *Nâng cao nhận thức của các chủ thể thực hiện pháp luật về tín dụng cũng như nâng cao ý thức của cộng đồng về hợp đồng tín dụng*

Việc áp dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật của chủ thể cũng như ý thức pháp luật của cộng đồng trong vấn đề hợp đồng tín dụng. Có thể

thấy, tuyên truyền pháp luật là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để nâng cao hiểu biết và ý thức pháp luật cho các chủ thể. Hoạt động tuyên truyền có thể thực hiện qua nhiều cách thức khác nhau như tổ chức giảng dạy khi học tập ở các trường, phổ biến, tuyên truyền pháp luật...; thông qua việc tổ chức hội nghị phổ biến, cập nhật nội dung các văn bản pháp luật mới, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật với nội dung liên quan đến hợp đồng tín dụng, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tín dụng... Đối với các chủ thể thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của lực lượng này cần tuyên truyền để các chủ thể nhận thức được lợi ích, vai trò quan trọng khi thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hợp đồng tín dụng, các quy định của pháp luật khi có hành vi vi phạm không chỉ là bảo vệ quyền lợi cho các chủ thể trong quá trình tham gia các hoạt động trong xã hội.

Từ thực trạng về công tác tuyên truyền, thông tin cho thấy kiến thức pháp lý về các hành vi vi phạm pháp luật về hợp đồng tín dụng đối với cộng đồng, người dân còn quá xa lạ. Để khắc phục nhược điểm này, công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục là một biện pháp hữu hiệu nhất. Tuy vậy, không thể tuyên truyền một cách chung chung mà cần xác định rõ nội dung, hình thức và biện pháp tuyên truyền cho phù hợp với từng đối tượng. Các cơ quan có thẩm quyền thực thi pháp luật về hợp đồng tín dụng, các quy định của pháp luật xử lý các hành vi vi phạm cần xây dựng kế hoạch tuyên truyền căn cứ trên tình hình áp dụng thực tế pháp luật về TCHĐTD giúp cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước phải thực hiện khi tham gia vào quan hệ pháp luật đã được quy định. Trong công tác này, các cơ quan cần phải có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan như Chi cục Hợp đồng tín dụng, Cảnh sát tín dụng, Ủy ban nhân dân các cấp... Thông qua nhiều hình thức, phương tiện khác nhau như hệ thống Đài phát thanh, truyền hình, báo chí... tổ chức hội nghị, tọa đàm chuyên đề hoặc lồng ghép vào nội dung của các hội nghị nhằm thực hiện phổ biến kiến thức về TCHĐTD. Tạo điều kiện để pháp luật về TCHĐTD đi vào thực tiễn, giúp cho các chủ thể bảo vệ được quyền và lợi ích chính đáng của mình trước hành vi vi phạm pháp luật hợp đồng tín dụng ở nước ta hiện nay.

3.2.2.6. *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại tại trung tâm trọng tài*

Trong quá thực hiện các quy định pháp luật về hợp đồng tín dụng nói chung và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại nói riêng thì cần hiện thực hóa mục tiêu và quan điểm chỉ đạo của Đảng và sự quản lý của NN đối với các công tác trên. Để vấn đề này đạt được kết quả cao nhất thì cần tiếp tục công cuộc đổi mới, phát triển tư duy, nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự phù hợp với điều kiện của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng.

Đối với sự lãnh đạo của Đảng trên toàn quốc và tại Quảng Bình nói riêng cần tiếp tục chú trọng sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự điều hành của Chính phủ thông suốt từ trung ương đến cơ sở trong lĩnh vực bảo vệ an ninh, trật tự theo cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, công an làm nòng cốt". Bên cạnh đó, thì các cấp, các ngành tại tỉnh Quảng Bình cần tập trung rà soát, tham mưu, phục vụ Đảng, Nhà nước và Chính phủ cải cách hành chính trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành, chú ý cảnh giác chống dịch lợi dụng trong lĩnh vực lập pháp, tư pháp, xây dựng các văn bản pháp luật, nhất là hệ thống pháp luật về TCHĐTD và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại. Đảm bảo đường lối, chính sách của Đảng và đảm bảo nguyên tắc lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong việc xử lý các vấn đề phức tạp về xử lý sự cố về tín dụng. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng. Cấp uỷ, chính quyền các bộ, ban, ngành, các cơ quan, đoàn thể, địa phương lãnh đạo trực tiếp. Ngoài ra, cần quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đảng về hợp đồng tín dụng, đáp ứng với quá trình xây dựng và phát triển đất nước trong tình hình hiện nay.

Cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện để lực lượng thực hiện pháp luật TCHĐTD thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Phát hiện và khắc phục những sai phạm, những hành vi vi phạm pháp luật về hợp đồng tín dụng. Đề cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và

nhân dân trong việc phối hợp, hỗ trợ các mặt công tác của lực lượng trong công tác này.

3.2.2.7. Tăng cường hợp tác quốc tế về điều tra, giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại

Hiện nay, vấn đề tín dụng, TCHĐTD, giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại không chỉ là trách nhiệm của nhà nước mà còn là trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức. Bên cạnh việc siết chặt quản lý về ÔNMT thì việc tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế về tín dụng nói chung và quá trình điều tra, giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại đã được Bộ Tài nguyên & Tín dụng triển khai thông qua việc ký kết các điều ước song phương, đa phương. Từ đó, góp phần tạo nên diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, về xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực này ở nước ta hiện nay.

Bên cạnh những thuận lợi trong việc ký kết, hợp tác để học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại, hiện nay ở Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về tín dụng trong vấn đề xử lý vi phạm về pháp luật hợp đồng tín dụng cần thay đổi tư duy về hợp tác quốc tế, chuyển từ quan niệm thụ động tiếp nhận viện trợ sang chủ động hội nhập, sẵn sàng cùng tham gia, chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi. Tăng cường đầu tư tài lực và nhân lực cho hợp tác quốc tế về tín dụng; bố trí kinh phí để thực hiện các sáng kiến, các sự kiện do Việt Nam chủ trì, tiến tới cử đại diện Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế về tín dụng, đặc biệt là việc tham gia các hội thảo về xử lý các vi phạm pháp luật về hợp đồng tín dụng. Xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế của ngành, địa phương; xác định các định hướng hợp tác chiến lược, tập trung vào những vấn đề vừa giải quyết nhu cầu trong nước vừa đóng góp giải quyết các vấn đề tín dụng toàn cầu và khu vực, nhất là chú trọng những vấn đề mới mà Việt Nam có lợi thế hiện nay... Bên cạnh đó, cần học hỏi các kinh nghiệm của các nước trên thế giới về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại. Qua đó, tùy thuộc vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta mà có sự áp dụng mang tính chất

chọn lọc phù hợp, đáp ứng với yêu cầu của quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Kết luận chương 3

Trước yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp cùng với sự phát triển của nền kinh tế trong nước và hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng sẽ luôn diễn ra và ngày càng trở thành thị trường giao dịch sôi động.

Để giải quyết kịp thời và có hiệu quả các tranh chấp hợp đồng tín dụng nói chung và tranh chấp hợp đồng tín dụng nói riêng trong thời gian tới. Trên cơ sở phân tích những tồn tại, vướng mắc từ các quy định của pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Trung tâm trọng tài trong những năm qua, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp nhằm đáp ứng nhu cầu điều chỉnh của pháp luật với thực tiễn, đảm bảo sự phát triển kinh tế, xã hội và ổn định tình hình chính trị của địa phương cũng như của cả nước, bảo vệ lợi ích của người dân của Nhà nước và của cả cộng đồng. Trên cơ sở những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp tại địa phương nhằm giúp các cơ quan soạn thảo văn bản pháp luật có thể tham khảo làm tư liệu cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật và giúp các cơ quan giải quyết tranh chấp tại địa phương ngày càng nâng cao trình độ, kinh nghiệm trong giải quyết tranh chấp, cũng như người dân nâng cao nhận thức pháp luật để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.

KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu đề tài “Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại” là một việc làm cần thiết. Thông qua, hoạt động nghiên cứu tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nói chung và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại nói riêng. Từ đó hoàn thiện cơ sở lý luận và vấn đề nghiên cứu và tiến hành phân tích các vai trò quan trọng của pháp luật đối với hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng cũng như những yếu tố ảnh hưởng của kinh tế xã hội, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giải quyết tranh chấp và quy định của pháp luật đến pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng hình thức trọng tài nhằm làm rõ những vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, giúp người đọc dễ dàng nhận biết được những nội dung cần thiết về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng hiện hành.

Thành công của tác giả trong quá trình nghiên cứu của luận văn đó là đã tiến hành tổng hợp nghiên cứu, phân tích, đánh giá những cơ sở lý luận về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực tiễn về công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Trung tâm trọng tài Việt Nam. Tác giả đã làm rõ các quy định pháp luật về hợp đồng tín dụng và giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giải quyết bằng con đường trọng tài thương mại theo từng giai đoạn phát triển của lịch sử, phân tích, làm rõ những quy định pháp luật không phù hợp với thực tiễn, những quy định mới của Luật trọng tài thương mại, BLDS, Luật thương mại, Luật các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn thi hành nhằm đáp ứng được nhu cầu điều chỉnh của pháp luật với thực tiễn. Thông qua hoạt động giải quyết các vụ án tại Trung tâm trọng tài, tác giả cũng đã nêu ra những khó khăn và vướng mắc của pháp luật cũng như trình độ nhận thức và kinh nghiệm của TTV giải quyết vụ án, trên cơ sở những vướng mắc từ thực tiễn giải quyết đó, tác giả đã đề xuất nhiều giải pháp cả về phương diện pháp luật và phương diện thực tiễn nhằm mong muốn góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng,

nâng cao hiệu quả giải quyết các tranh chấp nhằm thực hiện tốt công việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng - loại tranh chấp phức tạp, khó giải quyết và có nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, hạn chế của đề tài đó là chưa đi sâu và đầy đủ, toàn diện về những vướng mắc trong quá trình giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng nói chung và tranh chấp hợp đồng tín dụng giải quyết bằng con đường trọng tài thương mại nói riêng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, chưa nghiên cứu sâu sát để có thể thực hiện hoạt động về giải quyết tranh chấp HĐTD bằng hình thức trọng tài. Đồng thời, việc kiện toàn giải pháp chưa được thực hiện một cách hoàn chỉnh về hoạt động này ở nước ta hiện nay.

Mặc dù tính chất, mức độ và phạm vi của các tranh chấp là khác nhau nhưng nhìn chung các tranh chấp hợp đồng tín dụng giải quyết bằng con đường trọng tài thương mại nếu không được giải quyết kịp thời, thấu tình đạt lý sẽ ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, làm cho tình cảm của các bên sút mẻ, ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà nước do các bên không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, để ổn định tình hình chính trị, giữ gìn tình cảm của các bên, tạo lòng tin của nhân dân đối với cơ quan giải quyết tranh chấp và nâng cao nhận thức của nhân dân về pháp luật, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân. Thì việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là điều hết sức cần thiết, nhằm ngày càng hoàn thiện các quy định của pháp luật và chất lượng giải quyết tranh chấp tại TTTT đáp ứng nhu cầu thực tiễn, góp phần ổn định trật tự, an toàn, xã hội và giữ gìn sự đoàn kết trong quần chúng nhân dân, tạo lòng tin của nhân dân vào Nhà nước, đảm bảo hài hòa lợi ích của cộng đồng xã hội và lợi ích của Nhà nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alan Redfern/Martin Hunter/Nigel Blackaby/Constantine Partasides, Pháp luật và thực tiễn Trọng tài thương mại Quốc tế, Sweet & Maxwell (2004), Dịch và Hiệu đính bởi VIAC và VCCI năm 2010
2. Albert Jan van den Berg, Công ước New York năm 1958, Kluwer Law International (1981), Dịch và hiệu đính bởi VIAC và VCCI năm 2009
3. Albert Jan Van Den Berg, Trọng tài quốc tế và Trung tâm trọng tài quốc gia: Câu chuyện không hồi kết, Kluwer Law International (2001) Dịch và Hiệu đính bởi VIAC và VCCI năm 2010
4. Allan H. Goodman, Kỹ năng cơ bản cho Trọng tài viên mới, NXB Solomon, Dịch và hiệu đính bởi VIAC và VCCI năm 2010
5. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
6. Bộ Tư pháp (2013), Nghị định Số: 8019/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 của Bộ Tư Pháp về giao dịch bảo đảm.
7. Th.s Hoàng Văn Bích (2014), Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng có thể chấp tài sản qua thực tiễn xét xử tại Vĩnh Phúc, Đại Học Quốc gia Hà Nội.
8. Cổng thông tin điện tử - Bộ Tư Pháp (2012), Nguyên nhân dẫn đến nợ xấu của các tổ chức tín dụng - Nhìn từ góc độ các quy định của pháp luật hiện.
9. Cổng thông tin điện tử - Bộ Tư pháp (2013), Một số vấn đề về xử lý tài sản bảo đảm trong các giao dịch bảo đảm đã được công chứng.
10. Cổng thông tin điện tử - Bộ Tài Chính (2012), Vay nợ tín dụng: Rối chuyện bảo lãnh.
11. Chính phủ (2006), Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.
12. Chính phủ (2010), Nghị định 83/2010/ NĐ-CP ngày 23 tháng 07 năm

2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

13. Chính phủ (2012), Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.
14. Ths. Trần Văn Duy – Ths. Nguyễn Hương Lan (2012), Vương mắc trong giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản và một số kiến nghị, <http://www.tks.edu.vn>.
15. Phạm Thị Hồng Đào – Văn phòng luật sư Thanh Hưng (2016), Thủ tục rút gọn theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, <http://www.moj.gov.vn>.
16. Th.s Phạm Văn Đàm (2011), “Các biện pháp pháp lý bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật 82
17. TS Đỗ Văn Đại, Trần Hoàng Hải, Pháp luật Việt Nam về trọng tài thương mại, Nxb. CTQG 2011
18. TS. Đỗ Văn Đại & TS. Trần Hoàng Hải, Tuyển tập các Bản án, Quyết định của Trung tâm trọng tài Việt nam về Trọng tài thương mại, NXB Lao Động (2010)
19. Th.s Lý Thị Thanh Huyền (2012), Thực tiễn áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp về thừa kế của Trung tâm trọng tài ở tỉnh Phú Thọ, Học viện Khoa học Xã Hội.
20. TS. Phạm Quốc Khánh (2013), Giải pháp xử lý nợ xấu hiện nay của các ngân hàng thương mại Việt Nam, <http://www.tapchi.hvnh.edu.vn>
21. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2013), Thông tư số 07/2013/TT-NHNN ngày 14/3/2013 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định về việc kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.
22. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014), Thông tư số 08/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Quy định lãi suất cho

vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

23. Quốc Hội (2005), Bộ luật Dân sự.
24. Quốc Hội (2015), Bộ luật Dân sự
25. Quốc Hội (2015), Bộ luật Tố tụng Dân sự
26. Quốc Hội (2014), Luật Doanh nghiệp.
27. Quốc Hội (2005), Luật Thương mại.
28. Quốc Hội (2005), Luật Giao dịch điện tử.
29. Quốc Hội (2010), Luật Trọng tài thương mại.
30. Quốc Hội (2010), Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
31. Quốc Hội (2010,2017), Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung .
32. Đào Thái Sơn – Vụ Pháp chế, Ngân hàng Nhà nước (2014), Những thay đổi của pháp luật về giao dịch bảo đảm, <http://www.intecovietnam.com>.
33. TS. Phạm Văn Tuyết & TS. Lê Kim Giang (2012), Hợp đồng tín dụng và biện pháp bảo đảm tiền vay, Nhà xuất bản Tư pháp.
34. Nhà Pháp luật Việt – Pháp, Tuyển tập một số văn bản về trọng tài và hòa giải thương mại, NXB Từ điển Bách khoa (2010)
35. Trung tâm thương mại quốc tế UNCTAD/WTO, Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp được lựa chọn (Geneva 2001) Dịch và Hiệu đính bởi VIAC năm 2008
36. Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam VIAC và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI, Các Quyết định Trọng tài Quốc tế chọn lọc, Nhà xuất bản Tư pháp (2010)